

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc



# HỒ SƠ

## GIỚI THIỆU NĂNG LỰC THÍ NGHIỆM (PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU XÂY DỰNG)

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ  
KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG TIẾN ĐẠT



Địa chỉ: Số 23/62 Lê Phụ, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa.

Điện thoại: 0975.886.386.

Email: [tiendat.kiemdinh@gmail.com](mailto:tiendat.kiemdinh@gmail.com)

Website: <https://Kiemdinhtiendat55002.com>

MỤC LỤC

-----\*\*\*-----

ĐƠN XIN (NHẬN) DỰ THẦU  
GIỚI THIỆU NĂNG LỰC  
THÔNG TIN CHUNG  
THIẾT BỊ PHÒNG THÍ NGHIỆM  
NGUỒN LỰC LAO ĐỘNG  
SƠ ĐỒ MẶT BẰNG PHÒNG THÍ NGHIỆM  
MỘT SỐ HỢP ĐỒNG THÍ NGHIỆM



ĐƠN XIN (NHẬN) DỰ THẦU



# PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU XÂY DỰNG

## ĐƠN XIN (NHẬN) DỰ THẦU

**Kính gửi:** .....

- **Tên nhà thầu:** Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và kiểm định xây dựng Tiến Đạt.
- **Địa chỉ:** Số 23/62 Lê Phụ, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa.
- **Điện thoại:** 0975.886.386.
- **Email:** tiendat.kiemdinh@gmail.com.
- **Website:** <https://Kiemdinhtiendat55002.com>.

Là đơn vị chuyên ngành thí nghiệm các loại vật liệu xây dựng và kiểm tra chất lượng công trình thi công xây dựng, thí nghiệm địa chất công trình (xác định các chỉ tiêu cơ lý về địa chất công trình), địa chất thủy văn (nước và chất lỏng ngầm), vật liệu xây dựng, tư vấn khảo sát địa chất công trình; Xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật; Tư vấn đấu thầu; thẩm định dự toán; Tư vấn thiết kế; Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy phép đầu tư) số: 2803232731 đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 06 năm 2026. Cơ quan cấp: Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Thanh Hóa.

Chúng tôi được biết ..... có gói thầu

Xét về khả năng và năng lực đơn vị chúng tôi nộp đơn này xin (nhận) dự thầu gói thầu thí nghiệm trên.

Kính mong quý ban quan tâm xem xét và chấp nhận cho đơn vị được (nhận) dự thầu thí nghiệm công trình ./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi
- Lưu VPCT

Ngày tháng năm 2026

**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU**



**GIÁM ĐỐC**  
*Vũ Diệu Thùy*

GIỚI THIỆU NĂNG LỰC



# PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU XÂY DỰNG

## GIỚI THIỆU NĂNG LỰC

Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và kiểm định xây dựng Tiên Đạt là doanh nghiệp hoạt động theo luật doanh nghiệp được chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy phép đầu tư) số: 2803232731 đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 06 năm 2026. Cơ quan cấp: Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Thanh Hóa.

Công ty có đủ năng lực tư cách pháp nhân hành nghề kinh doanh:

- Xây dựng nhà các loại.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.
- Xây dựng các công trình đường sắt và đường bộ.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi, đường dây và trạm biến áp đến 110KV.
- Chuẩn bị mặt bằng, chi tiết: San lấp mặt bằng.
- Vận tải hành khách đường bộ khác.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Cho thuê xe có động cơ, chi tiết: cho thuê máy móc thiết bị xây dựng.
- In ấn.
- Điều hành tua du lịch.
- Hoạt động cấp tín dụng khác, chi tiết: Dịch vụ cầm đồ.
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình, chi tiết: Kinh doanh văn phòng phẩm.
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác, chi tiết: Cho thuê xe ô tô tự lái, cho thuê máy móc thiết bị xây dựng.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết:
  - Thiết kế công trình dân dụng và công nghiệp đến cấp III, công trình giao thông, cầu hầm đường bộ, công trình thủy lợi, công trình cấp thoát nước đến cấp IV.
  - Lập dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông, cầu hầm đường bộ.
  - Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện.
- Tư vấn khảo sát địa chất công trình.
- Tư vấn đấu thầu.
- Thẩm tra dự toán các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp và thủy lợi.
- Thí nghiệm địa chất công trình (xác định các chỉ tiêu cơ lý về địa chất công trình), địa chất thủy văn (nước và chất lỏng ngầm), vật liệu xây dựng và bán thành phẩm
- Kiểm định chất lượng công trình.

## PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU XÂY DỰNG

---

- Chúng tôi đã tạo được uy tín từ những công trình mà công ty đã thực hiện, được các chủ đầu tư đánh giá cao về chất lượng và luôn luôn hoàn thành đúng tiến độ, kỹ mỹ thuật công trình.

Hiện nay công ty là một doanh nghiệp hoạt động độc lập có đầy đủ năng lực về nhân lực trang thiết bị phục vụ cho việc:

- Tư vấn khảo sát thiết kế.
- Tư vấn giám sát thi công các công trình Xây dựng - Giao thông - Thủy lợi, Dân dụng công nghiệp, điện nước.
- Thí nghiệm địa chất công trình, siêu âm cọc khoan nhồi, chống thấm nhựa và các phép thử khác.

- Thi công các công trình giao thông, thủy lợi, hồ đập, điện nước các công trình dân dụng công nghiệp, công trình công viên, khuôn viên cây xanh, công trình điện chiếu sáng và các hạng mục công trình khác.

Cùng sự hòa nhập khẩn trương với xu hướng phát triển của ngành xây dựng trên toàn quốc cũng như trên toàn thế giới, tiếp thu nền khoa học tiên tiến và hiện đại, Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và kiểm định xây dựng Tiến Đạt chúng tôi đã quyết định thành lập phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng có tư cách pháp nhân, mang mã số LAS - XD 804, theo quyết định số 335/QĐ-BXD ngày 30 tháng 08 năm 2012 và được thay thế bằng Giấy chứng nhận số 751/GCN-BXD ngày 09 tháng 11 năm 2018 do Bộ xây dựng cấp. Được cấp mới lại theo Giấy chứng nhận số 7014/SXD-VLXD ngày 11 tháng 10 năm 2023 do Sở xây dựng cấp về việc công nhận năng lực thực hiện các phép thử của phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng và mang mã số mới là LAS-XD 55.002 để thay thế mã số LAS - XD 804. Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và kiểm định xây dựng Tiến Đạt kế thừa phòng thí nghiệm LAS 55.002 của công ty cổ phần tư vấn - đầu tư và xây dựng - G6.

Có năng lực thực hiện đầy đủ các chỉ tiêu phép thử của các loại vật liệu phục vụ cho việc thí nghiệm và kiểm tra chất lượng công trình. Đơn vị được thành lập vào năm 2026 đến đã có bề dày kinh nghiệm nên công ty đã tiếp ứng với nền khoa học hiện đại, công ty đã tuyển chọn và cộng tác với rất nhiều kỹ sư, thí nghiệm viên, chuyên gia có nghiệp vụ, chuyên môn giỏi giàu kinh nghiệm trong công tác tư vấn, xây dựng các công trình và công tác thí nghiệm vật liệu và kiểm tra chất lượng công

# PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU XÂY DỰNG

---

trình xây dựng. Công ty xin đảm bảo hoàn thành tốt các công việc được các đối tác  
tín nhiệm với uy tín - chất lượng được đặt lên hàng đầu.

Chất lượng là sự tồn tại và phát triển của công ty. Rất mong được sự hợp tác  
của các đối tác.

**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU**



**GIÁM ĐỐC**

*Vũ Diệu Châu*

THÔNG TIN CHUNG



# PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU XÂY DỰNG

## THÔNG TIN CHUNG VỀ NHÀ THẦU

**Tên nhà thầu:** Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và kiểm định xây dựng  
**Tiến Đạt.**

**Địa chỉ:** Số 23/62 Lê Phụ, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa.

**Điện thoại:** 0975.886.386.

**Email:** tiendat.kiemdinh@gmail.com.

**Website:** <https://Kiemdinhtiendat55002.com>.

**Vốn điều lệ:** 1.800.000.000<sup>d</sup> (Một tỷ tám trăm triệu đồng chẵn).

**Tài khoản số:** 1988366688 Tại Ngân hàng SHB- PGD Lê Hoàn, chi nhánh Thanh Hoá.

**Mã số thuế:** 2803232731.

### Các ngành nghề kinh doanh

- Thí nghiệm các loại vật liệu xây dựng và kiểm tra chất lượng công trình thi công xây dựng.
- Thí nghiệm địa chất công trình (xác định các chỉ tiêu cơ lý về địa chất công trình), địa chất thủy văn (nước và chất lỏng ngầm).
- Thí nghiệm kiểm định chất lượng công trình.
- Xây dựng nhà các loại.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.
- Xây dựng các công trình đường sắt và đường bộ.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi, đường dây và trạm biến áp đến 110KV.
- Xây dựng các công trình cấp thoát nước và xử lý nước thải, công trình công viên, khuôn viên cây xanh công trình điện chiếu sáng
- Chuẩn bị mặt bằng, chi tiết: San lấp mặt bằng.
- Vận tải hành khách đường bộ khác.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Cho thuê xe có động cơ, chi tiết: cho thuê máy móc thiết bị xây dựng.
- In ấn.
- Điều hành tua du lịch.
- Hoạt động cấp tín dụng khác, chi tiết: Dịch vụ cầm đồ.
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình, chi tiết: Kinh doanh văn phòng phẩm.

## PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU XÂY DỰNG

---

- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác, chi tiết: Cho thuê xe ô tô tự lái, cho thuê máy móc thiết bị xây dựng.

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết:

- Thiết kế công trình dân dụng và công nghiệp đến cấp III, công trình giao thông, cầu hầm đường bộ, công trình thủy lợi, công trình cấp thoát nước đến cấp IV.

- Lập dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông, cầu hầm đường bộ.

- Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện.

- Tư vấn khảo sát địa chất công trình.

- Tư vấn đấu thầu.

- Thẩm tra dự toán các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp và thủy lợi.

- Trong quá trình làm việc công ty chúng tôi đã tạo được uy tín từ những công trình mà công ty đã thực hiện, được các chủ đầu tư đánh giá cao về chất lượng và luôn luôn hoàn thành đúng tiến độ, kỹ mỹ thuật công trình.

Hiện nay công ty là một doanh nghiệp hoạt động độc lập có đầy đủ năng lực về nhân lực trang thiết bị phục vụ cho việc:

- Tư vấn khảo sát thiết kế.

- Tư vấn giám sát thi công các công trình Xây dựng - Giao thông - Thủy lợi, Dân dụng công nghiệp, điện nước. Giám sát công trình điện.

- Thí nghiệm địa chất công trình, siêu âm cọc khoan nhồi, chống thấm, nhựa và các phép thử khác.

- Thi công các công trình giao thông, thủy lợi, hồ đập, điện nước các công trình dân dụng công nghiệp, công trình công viên, khuôn viên cây xanh, công trình điện chiếu sáng và các hạng mục công trình khác.

**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU**



**GIÁM ĐỐC**

*Vũ Diệu Thùy*

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY CỔ PHẦN**

**Mã số doanh nghiệp: 2803232731**

*Đăng ký lần đầu: ngày 07 tháng 06 năm 2026*

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG TIỀN ĐẠT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

23/62 Lê Phụ, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

Điện thoại: 0983911136

Thư điện tử:

**3. Vốn điều lệ: 1.800.000.000 đồng.**

*Bằng chữ: Một tỷ tám trăm triệu đồng*

Mệnh giá cổ phần: 100.000 đồng

Tổng số cổ phần: 18.000

**4. Người đại diện theo pháp luật của công ty**

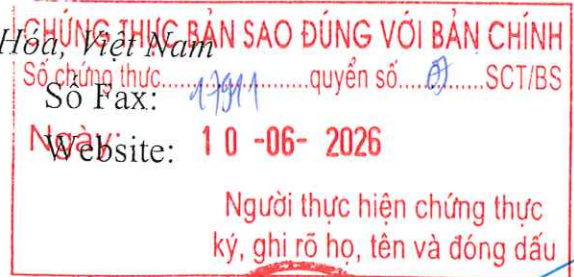
\* Họ, chữ đệm và tên: VŨ DIỆU THÚY

Ngày, tháng, năm sinh: 25/05/1992

Số định danh cá nhân: 038192026694

Chức danh: Giám đốc

Địa chỉ liên lạc: 23/62 Lê Phụ, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam



Giới tính: Nữ

Quốc tịch: Việt Nam

**CÔNG CHỨNG VIÊN**

*Trịnh Thị Hồng Minh*



*Đỗ Thị Hương*

Số: 01/QĐ – TĐ

(V/v: Công bố công khai năng lực hoạt động thí  
nghiệm chuyên ngành xây dựng)

Thanh Hóa, ngày 20 tháng 06 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG BỐ CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG THÍ**  
**NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/1/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

Căn cứ vào năng lực thiết bị và nhân lực của Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và kiểm định xây dựng Tiến Đạt;

**1. Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng công bố năng lực**

**Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và kiểm định xây dựng Tiến Đạt**

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, mã số doanh nghiệp số 2803232731 ngày 07 tháng 06 năm 2026. Cơ quan cấp: Phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Thanh Hóa

Mã số thuế: 2803232731

Địa chỉ: Số 23/62 Lê Phụ, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa

Điện thoại: 0983.911.136 - Email: [tiendat.kiemdinh@gmail.com](mailto:tiendat.kiemdinh@gmail.com)

**2. Thông tin phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: Phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng**  
(Kế thừa phòng thí nghiệm LAS 55.002 của công ty cổ phần tư vấn - đầu tư và xây dựng - G6)

Địa chỉ: Số 23/62 Phố Lê Phụ, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa

Điện thoại: 0975.886.386

Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm và tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng để thực hiện tiêu chí thí nghiệm (Danh mục kèm theo quyết định này)

1. Danh mục thiết bị để thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm (Danh mục kèm theo quyết định này)

2. Danh mục thí nghiệm viên để thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm (Danh mục kèm theo quyết định này)

Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và kiểm định xây dựng Tiến Đạt cam kết thông tin công khai năng lực là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Sở Xây dựng Thanh Hoá;
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu: VT.

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY**



**GIÁM ĐỐC**

Vũ Diệu Thùy

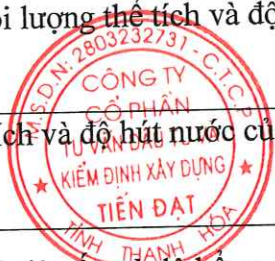
**DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM VÀ TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT TƯƠNG ỨNG  
ĐỂ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

*(Kèm theo quyết định số 01/2026/QĐ-TĐ, ngày 16/06/2026 của Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và kiểm định xây dựng Tiến Đạt)*

TT	Tên phép thử/chỉ tiêu thí nghiệm	Các tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
(1)	(2)	(3)
<b>I</b>	<b>THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG</b>	
1	- Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 13605:2023; ASTM C430; ASTM C188; ASTM C204; AASHTO T128; AASHTO T133; AASHTO T153; AASHTO T192; EN 196: 1989
2	- Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:2011; ASTM C109; ASTM C344; SS EN 196.1; AASHTO T106; ISO 679:2009
3	- XĐ độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN6017:2015; TCVN 8875:2012; ASTM C187; C191; AASHTO T129; T131 ISO 9597:08
4	- Xi măng pooc lăng - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	TCVN 6260:2020; TCVN 2682:2020
5	- Xác định nhiệt thủy hoá	TCVN 6070:05
<b>II</b>	<b>HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG</b>	
6	- Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:22; ASTM C143; AASHTO T119; EN 12350; BS 1881
7	- Thử độ cứng Vebe	TCVN 3107:22
8	- Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:1993; ASTM C138; AASHTO T121
9	- Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:22; ASTM C232; AASHTO T158
10	- Thí nghiệm phân tích thành phần hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3110:1993
11	- Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:22; ASTM C642; ASTM C127



12	- Xác định độ hút nước	TCVN 3113:22; ASTM C642; ASTM C138; EN 12390; BS 1881
13	- Xác định khối lượng thể tích bê tông	TCVN 3115:22; ASTM C642; ASTM C138; EN 12390-7; BS 1881
14	- Xác định độ chống thấm nước	TCVN 3116:22; ASTM C403; ASTM C1585; EN 12390-8: BS 1881
15	- Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:22; ASTM C39; C42; AASHTO T22; T40, T42; EN 12390 -3; EN 12504-1; JIS A1107, A1108, AS 1012.9
16	- Xác định giới hạn bền khi uốn	TCVN 3119:22
17	- Xác định cường độ lăng trụ và môđun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:22
<b>III</b>	<b>VẬT LIỆU CÁT, ĐÁ DẪM (SỎI), CẤP PHỐI</b>	
18	- Thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:06; AASHTO T27; ASTM C136
19	- Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:06 ; AASHTO T84; ASTM C127
20	- XD khối lượng riêng; KL thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:06; AASHTO T85; ASTM C127
21	- Xác định khối lượng thể tích và độ xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:06; AASHTO T19; ASTM C29
22	- Xác định độ ẩm, độ hút nước của cốt liệu	TCVN 7572-7:06; AASHTO T142; ASTM C70
23	- Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:06; TCVN 9205:12; AASHTO T112; T11 ASTM C117, C142
24	- Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572- 9:06; AASHTO T21; ASTM C40
25	- Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-11:06; ASTM D2938; C170
26	- XD độ nén đập trong và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-10:06; BS 812



27	- XĐ độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy (Los Angeles)	TCVN 7572-12:06; AASHTO T98; T327 ASTM C131, C535
28	- XĐ hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:06; AASHTO T335; ASTM D4791
29	- Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572-17:06; AASHTO T122; ASTM C142
30	Thí nghiệm cát tiêu chuẩn, cát iso để xác định cường độ xi măng	TCVN 139:91; TCVN 6227:96
31	- Xác định hàm lượng mica, hệ số đương lượng cát (ES)	TCVN 7572-20:06; ASTM D2419; AASHTO T176
32	- Cát nghiền cho bê tông và vữa: Xác định hạt lượng hạt < 0,075mm, thành phần hạt, hàm lượng sét	TCVN 9205:12; ASTM C117; AASHTO T11
<b>IV</b>	<b>THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG</b>	
33	- Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:12; AASHTO T100; ASTM D854
34	- Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:12; ASTM D2216; AASHTO T265
35	- Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:12; AASHTO T89, T90; ASTM D4318 ; GST-5184
36	- Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:14; AASHTO T88, T27; ASTM C136, D1140, D422
37	- Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng.	TCVN 4199:12; ASTM D3080; AASHTO T236
38	- Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông nén một trục có nở hông	TCVN 4200:12; ASTM D2166; AASHTO T208
39	- Xác định độ chặt đầm nén tiêu chuẩn	TCVN 4201:12; 22TCN 333-06; TCVN 12790:20; AASHTO T99, T180; ASTM D1557, D698
40	- Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:12; ASTM D2937; AASHTO T204
41	- Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR)- Trong phòng thí nghiệm	22TCN 332-06; TCVN 12792:20; ASTM D1883; AASHTO T193
42	- Xác định hệ số thấm K của đất	TCVN 8723:12; ASTM D2434; AASHTO T49, T215
43	- Xác định đặc trưng trương nở của đất	TCVN 8719:2012



44	- Xác định khối lượng thể tích khô lớn nhất và nhỏ nhất của đất rời	TCVN 8721:2012
<b>V</b>	<b>KIỂM TRA THÉP XÂY DỰNG, SẢN PHẨM KIM LOẠI, MỐI HÀN</b>	
45	- Thử kéo	TCVN 197-1:14; ASTM A370; JIS: Z2241; Z2201; ISO 15630-1
46	- Thử uốn	TCVN 198:08; ASTM A370; JIS ZZ2248; ISO 15630-1
47	- Mối hàn kim loại: Thử kéo, thử uốn	TCVN 5401:10; TCVN 5403:10; TCVN 8310:10; TCVN 8311:10; TCVN 11977:17; AASHTO T68
48	- Thử bu lông, đai ốc, vít: Kích thước hình học, thử kéo, lực cắt, lực xiết	TCVN 1916:95; TCVN 4795:89; TCVN 4796:89; TCVN 10567:17; ISO 898-1,2; JIS B1186: ASTM A370
49	- Thử nghiệm phá hủy mối hàn kim loại - Thử kéo dọc	TCVN 8311:10
50	- Thép cốt bê tông dự ứng lực, thép lưới hàn: Xác định độ bền kéo	TCVN 7937:13; TCVN 9391:12; TCVN 6287:97; ISO 1560-1,2,3; BS 4449; ASTM A1061: BS E1002
51	- Thí nghiệm cơ lý Nhôm, Gang, Inox: Xác định Dạng Profin và dung sai kích thước, độ cứng, độ bền kéo, độ giãn dài tương đối	TCXDVN 330:04; TCVN 12513-2:18; JISG305; ASTM E1086; TCVN 5841:94
52	- Thử kéo mối nối cốt thép bằng ống nối có ren	TCVN 8163:09; ISO 15835:09; ACI 318
<b>VI</b>	<b>BÊ TÔNG NHỰA</b>	
53	- Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:11
54	- Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy li tâm	TCVN 8860-2:11
55	- Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:11
56	- Xác định tỉ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:11
57	- Xác định tỉ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái đầm nén	TCVN 8860-5:11
58	- Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:11
59	- Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:11
60	- Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:11



61	- Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:11
62	- Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:11
63	- Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:11
64	- Thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý bột khoáng trong bê tông nhựa	22TCN 58:84; ASTM D5329; AASHTO T27
65	- Xác định độ rỗng dư bê tông nhựa đầm chặt và hỗn hợp bê tông nhựa rỗng	AASHTO T269; ASTM D3202
<b>VII</b>	<b>NHỰA BITUM, NHỰA ĐƯỜNG LỎNG, NHỰA TƯƠNG A XÍT</b>	
66	- Xác định độ kim lún, chỉ số kim lún PI theo phụ lục II Thông tư 27/2014/TT-BGTVT	TCVN 7495:05 AST MD5-13; AASHTO T49
67	- Xác định độ kéo dài ở 25°C	TCVN 7496:05: AASHTO T301
68	- Xác định nhiệt độ hóa mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:05; ASTM D36; AASHTO T53
69	- Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 7498:05; TCVN 8818-2:1; AASHTO T48
70	- Xác định lượng hòa tan của nhựa trong tricloetylen	TCVN 7500:05; ASTM D2042; AASHTO T44
71	- Xác định khối lượng riêng ở 25°C	TCVN 7501:05; ASTM D70; AASHTO T228
72	- Xác định độ nhớt động	TCVN 7502:05
73	- Xác định độ dính bám với đá	TCVN 7504:05
74	- Xác định lượng tổn thất sau khi đun nóng ở 163°C trong 5h	TCVN 7499:05; ASTM D1754
75	- Xác định hàm lượng nước	TCVN 8818-3:11
<b>VIII</b>	<b>THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG</b>	
76	- Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng PP dao đai	CVN 8730:12; AASHTO T204:96; ASTM D2937; 22TCN 02:71; TCVN 12791:20; TCVN 8729:12
77	- Độ ẩm; Khối lượng TT của đất trong lớp kết cấu bằng PP rót cát	ASTM D1556:00; AASHTO T191-93; 22 TCN 346:06: TCVN8730:2012; TCVN8729:2012
78	- Xác định modul đàn hồi "E" nền đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:11; ASTM D4395:08; AASHTO T256
79	- XD môđun đàn hồi "E" chung của áo đường bằng cần Benkelman	TCVN 8867:11; ASTM D4695:96; AASHTO T256



80	- Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:11; ASTM E303-93; ASTM D4695: AASHTO 7278
81	- Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:11; ASTM E950:98; ASTM E1082
82	- Đo điện trở nổi đất	TCVN 9385:2012 TCVN 4756:1989; BS6651:99; ASTM G187; BS5930
83	- Xác định mô đun biến dạng hiện trường bằng tấm nén phẳng	TCVN 9354:2012; ASTM D1194; AASHTO T235
84	- Cọc-PP thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh nhỏ dọc trục	TCVN 9393:2012
85	- Thử nghiệm các chỉ tiêu cơ lý của Bentonite	TCVN 11893:17; TCVN 13068:20; ASTM D4380; ASTM D4972; ASTM D6910; ASTM D4381; ASTM D6243
86	- Thí nghiệm cọc khoan nhồi bằng phương pháp siêu âm, siêu âm thành vách hố khoan	TCVN 9396:2012; 22TCN 257:2000
87	- Xác định cường độ bê tông tại hiện trường bằng phương pháp khoan	TCXDVN 239:2006; TCVN 12252:2020; ASTM C42-20
88	- Xác định cường độ kéo nhỏ	TCVN 9490:2012; ASTM C900-06
<b>IX</b>	<b>THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG</b>	
89	- Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:22
90	- Xác định độ lưu động của vữa tươi (PP bàn dẫn)	TCVN 3121-3:22; TCVN 9028:11; ASTM C1437; BS EN 445
91	- Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:22; TCVN 9028:11; BS EN 445
92	- Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8:22; TCVN 9028:11; ASTM C1437; ASTM C941; BS EN 445
93	- Xác định Khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:22; BS EN 445
94	- Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11:22; TCVN 9028:11; ASTM C349; BS EN 445
95	- Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18:03
96	- Xác định độ chảy của vữa xi măng	ASTM C939



X	<b>THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH, SẢN PHẨM BÊ TÔNG</b>	
97	- Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:09; BS EN 772
98	- Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-2:09; BS EN 772
99	- Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3:09
100	- Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:09; BS EN 772
101	- Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:09
102	- Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:09
103	- Xác định vết tróc do vôi	TCVN 6355-7:09
104	- Gạch bê tông tự chèn: Xác định kích thước, khuyết tật ngoại quan; cường độ nén; độ mài mòn, độ hút nước	TCVN 6476:99; ASTM C140
105	- Gạch Bê tông: Thí nghiệm kích thước, khuyết tật ngoại quan, cường độ nén, độ rỗng, độ mài mòn, độ hút nước, độ thấm nước	TCVN 6477:16
106	- Gạch Terrazzo: Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan, cường độ uốn, độ hút nước, độ mài mòn	TCVN 7744:13; BS EN 13748
107	- Sản phẩm bê tông nhẹ, Gạch bê tông nhẹ: Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan, cường độ nén, độ hút nước, khối lượng thể tích khô, độ co khô	TCVN 9030:17
108	- Gạch xi măng lát nền: Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan, độ mài mòn, độ hút nước, lực va đập xung kích, tải trọng uốn gãy toàn viên, độ cứng lớp mặt	TCVN 6065:95
109	- Gạch Granito: Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan, độ mài mòn, độ chịu va đập xung kích, độ cứng lớp mặt	TCVN 6074:95
<b>XI</b>	<b>PHÂN TÍCH HÓA NƯỚC CHO XÂY DỰNG</b>	
110	- Xác định hàm lượng cặn không tan	TC 4506:12; TCVN 4560:88
111	- Lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 4565:88
112	- Độ pH	TCVN 6492:2011
113	- Xác định hàm lượng muối hòa tan	TCVN 4560:88
114	- Hàm lượng ion sunfat ( $SO_4^{2-}$ )	TCVN 6200:1996
115	- Hàm lượng ion clorua	TCVN 6194:1996
116	- Hàm lượng natri và Kali	TCVN 6193-3:00
<b>XII</b>	<b>VẢI ĐỊA KỸ THUẬT</b>	
117	- Xác định lực kéo giật; Xác định lực kháng xuyên thủng thanh; Xác định lực xé rách hình thanh; Xác	TCVN 8871-1:2011; ASTM D4632-23; TCVN 8871-

	<p>định áp lực kháng bụi; Xác định kích thước lỗ biểu kiến; Xác định độ thấm đơn vị, lưu lượng thấm xuyên; Xác định cường độ kéo, độ giãn dài; Xác định độ bền kháng tia cực tím 500h.</p>	<p>4:201 1; ASTM D4833-20; TCVN 8871-2:2011; ASTM D4533-23; TCVN 8871-5:201 1; ASTM D3786-23; ASTM D 5494-23; TCVN 8871-6:2011; ASTM D4751-21A; ISO 12956:2019; TCVN 8487:2010; ASTM D4491-22; ISO 1 1058-19; BS 6906-3; TCVN8485:2010; ASTM D4595-24; ASTM D6455; ASTM D6637-15(2023); ISO 10319:2015; ASTM D5035-19; TCVN8482:2010; ASTM D4355-21; ASTM D5885-20</p>
118	<p>- Xác định độ dày; Xác định lực xuyên thủng CBR; Xác định khối lượng đơn vị; Xác định độ dẫn nước; Xác định sức bền kháng thủng bằng phép thử rơi côn; Xác định cường độ chịu kéo mỗi nối; Xác định cường độ chịu kéo của chỉ khâu</p>	<p>TCVN 8220:2009; TCVN 5820:1994; ASTM D5199-19; ASTM D1777- 96(2019); ASTM D5994-21; ISO 9863- 1:2016/Amd 1:2019; TCVN 8871-3:2011; ASTM D4833-20; ISO 12236-06; DIN 54307; ASTM D 6241-22a; TCVN 8221:2009; ASTM D5261-24; ASTM D3776-20; ISO 9864-05; TCVN 8483:2010; ASTM E96-22ael; TCVN 8484:2010; ISO 13433:2025; BS 6906; TCVN 9138:2012; ASTM D4884-22; ISO 10321-08; ASTM D2256-21</p>

**Ghi chú (\*):** Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.



CÔNG TY CỔ PHẦN  
CHỨNG NHẬN CAC

\*\*\*\*\*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

\*\*\*\*\*

## BẢN XÁC NHẬN HOÀN THÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN CAC

Xác nhận:

Đã hoàn thành việc tư vấn xây dựng, vận hành Hệ thống quản lý  
phòng thí nghiệm theo các yêu cầu của tiêu chuẩn

**TCVN ISO/IEC 17025:2017**

cho

**PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU XÂY DỰNG**



**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN - ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG - G6**

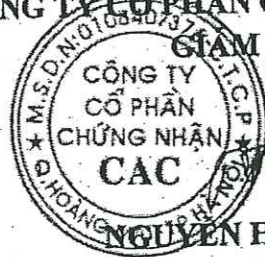
Địa chỉ: Phố Đà, xã Thọ Dân, huyện Triệu sơn, tỉnh Thanh Hóa

*Bản xác nhận này được sử dụng như một bằng chứng để chứng minh Phòng thí nghiệm  
LAS-XD 804 đã xây dựng Hệ thống quản lý chất lượng theo các yêu cầu của tiêu chuẩn  
TCVN ISO/IEC 17025:2017*

Số: C.211366.TV21

Ngày: 10/06/2021

ĐƠN VỊ TƯ VẤN  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN CAC



GIÁM ĐỐC

NGUYỄN HỮU TÌNH

THIẾT BỊ PHÒNG THÍ NGHIỆM



# PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU XÂY DỰNG

## DANH SÁCH DỤNG CỤ, THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM

TT	Tên thiết bị - Thông số kỹ thuật	Số Lượng	Đơn vị tính	Xuất xứ
1	Máy kéo nén vạn năng 2000KN-T.TECH	1	Bộ	Việt Nam
	- Model: TH152 – Số 0273			
	- Lực kéo max: 1280KN/2,5KN và 512KN/1KN			
	- Lực nén max: 2000KN/5KN và 800KN/2,5KN			
	- Kéo thép tròn từ D6 - D45 và thép dẹt dày từ 0-40mm			
	- Máy được dùng để nén bê tông và kéo thép. Hành trình piston 150mm			
	- Kích thước máy: H2200xD450xW1200			
	- Trọng lượng: 1200kg			
	- Điện áp nguồn: 220V/50Hz			
2	Bàn rung mẫu bê tông 600x900 - T.TECH Model: TC423 Phù hợp với TCVN, ASTM, AASHTO	1		Việt Nam
3	Khuôn bê tông 200x200x200 - VN; Model: TC385	3	Chiếc	Việt Nam
4	Máy nén, uốn xi măng - T.TECH	1	Chiếc	Việt Nam
	- Model: Thủy lực TE216 – Số: 0261			
	- Khả năng nén/vạch chia: 100KN/0,2KN			
	- Đồng hồ chỉ thị 2 kim đường kính 26cm.			
	- Linh kiện ngoại nhập			
	- Điện nguồn: 220V/50Hz, 1 pha			
5	Bộ gá uốn mẫu XM 40x40x160 - T.TECH	1	Bộ	Việt Nam

## PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU XÂY DỰNG

	Model: TE237			
6	Bộ gá nén mẫu XM 40x40 - T.TECH Model: TE232	1	Bộ	Việt Nam
7	Dụng cụ VICA - T.TECH Model: TE064 Bao gồm: Thân chính gắn thước, thanh dẫn chuẩn, 3 kim chuẩn, khâu chuẩn, tấm kính	1	Bộ	Việt Nam
8	Thùng hấp mẫu xi măng - T.TECH Model: TE094 Dung tích: 20 lít Kích thước thùng: 220x250x380 Điện nguồn: 220V/50Hz, 1,5KW	1	Chiếc	Việt Nam
9	Khuôn uốn xi măng 40x40x160 kép 3 -TQ; (Code: TN066)	1	Bộ	Trung Quốc
10	Máy dẫn vữa xi măng tiêu chuẩn -TQ Model: ZS-15 (Code: TN063) Biên độ rung: 15 +/- 0,3mm Trọng lượng rung: 20kg Nguồn điện: 220V/50Hz	1	Chiếc	Trung Quốc
11	Khuôn xi măng Le Chaterlier - TQ (Code: TN070)	6	Chiếc	Trung Quốc
12	Bình tỷ trọng xi măng - TQ Model: TE011	3	Chiếc	Trung Quốc
13	Sàng độ mịn xi măng 0,09mm - TQ Model: TA294	1	Chiếc	Trung Quốc
14	Bàn dẫn vữa xi măng - T.TECH Model: TE134 kèm khâu chuẩn và thước kẹp	1	Bộ	Việt Nam
15	Phễu xác định khả năng giữ độ lừa động của vữa - T.TECH; Model: TE033	1	Bộ	Việt Nam



## PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU XÂY DỰNG

16	Protor cải tiến: cối TS195 + chày TS198 - T.TECH	1	Bộ	Việt Nam
17	Protor tiêu chuẩn: cối TS193 + chày TS196 - T.TECH	1	Bộ	Việt Nam
18	Máy nén CBR 50KN - T.TECH	1	Chiếc	Việt Nam
	- Model: TS285 (kiểu dáng MATEST-Ý)			
	- Kiểu dáng MATEST - ITALY			
	- Hoạt động bằng động cơ điện, điện áp 220V/ 50HZ, theo tiêu chuẩn			
	ASTM, AASHTO và phù hợp với tiêu			
	chuẩn Việt nam, tốc độ gia tải			
	1,27mm/phút (có tốc độ di chuyển			
	khí không tải). kèm theo piston xuyên, gá đỡ đồng hồ so (chưa kèm Cung lực)			
19	Vòng đo lực 50 KN máy nén CBR – Trung Quốc, (Kiểu: TS285) - Số: R1873 đồng hồ chỉ thị 10x0,01mm.	1	Chiếc	Trung Quốc
20	Khuôn CBR - T.TECH Model: TS250	3	Bộ	Việt Nam
	Bao gồm: Thân khuôn, cổ khuôn, đế khuôn, đĩa đo trương nở, quả gia tải			
	có rãnh, quả gia tải không rãnh, giá đỡ đồng hồ so			
21	Đồng hồ so, dải đo 10 x 0,01mm - TQ Model: TS716	3	Chiếc	Trung Quốc
22	Đĩa phân cách - T.TECH: Model: TS252	1	Chiếc	Việt Nam
23	Sàng tiêu chuẩn D200mm - TQ	32	Chiếc	Trung Quốc
24	Tỷ trọng kế 0,995-1,030 - TQ (Code: TV302)	1	Chiếc	Trung Quốc
25	Tỷ trọng kế 0- 60g - TQ (Code: TV303)	1	Chiếc	Trung Quốc

## PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU XÂY DỰNG

26	Bàn chải dùng cho sàng mịn-VN; Model: TV323	1	Chiếc	Việt Nam
27	Bàn chải dùng cho sàng thô-VN Model: TV327	1	Chiếc	Việt Nam
28	Bàn chải bằng Đồng - T.TECH Model: TV330	1	Chiếc	Việt Nam
29	Thiết bị chày casagrande; Model: TS187, bao gồm: Dụng cụ khía rãnh, dao trộn, bát trộn.	1	Chiếc	Việt Nam
30	Bộ thí nghiệm giới hạn dẻo của đất; Model: TS169	1	Bộ	Việt Nam
31	Máy thử độ mài mòn Los Angeles; Kiểu: LA – Số: 18C01509	1	Chiếc	Việt Nam
	với bộ đếm có thể cài đặt số vòng quay tùy			
	ý và hiển thị số điện tử.			
	Tốc độ quay: 30 - 33vòng/phút			
	kèm 12 viên bi thép tiêu chuẩn,			
	và 1 khay hứng mẫu, TA076-02			
32	Bộ xi lanh nén đập đá D75-T.TECH Model: TA662		Bộ	Việt Nam
33	Bộ xác định đương lượng cát (không kèm máy lắc) - T.TECH Model: TS158	1	Bộ	Việt Nam
34	Thiết bị xác định hàm lượng sét của đá (Bình rửa đá) - T.TECH; TS728	1	Chiếc	Việt Nam
35	Thiết bị xác định hàm lượng sét của cát (Bình rửa cát) - T.TECH; TS729	1	Chiếc	Việt Nam
36	Ống đong hình trụ 250ml; Model: TV111	3	Chiếc	Trung Quốc
37	Hoá chất NaOH - TQ; model: TV455	1	Lít	Trung Quốc
38	Bảng màu chuẩn - T-TECH Model: TS101	1	Chiếc	Việt Nam
39	Giấy nhám; Model: TS735	10	Tờ	Việt Nam
40	Phễu thủy tinh-TQ; Model: TV206	1	Chiếc	Trung Quốc



## PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU XÂY DỰNG

41	Phiếu xác định độ xốp của đá - T.TECH Model: TA754	1	Chiếc	Việt Nam
42	Phiếu xác định độ xốp của cát - T.TECH Model: TA755	1	Chiếc	Việt Nam
43	Hộc đong 1 lít-T.TECH Model: TC347	1	Chiếc	Việt Nam
44	Hộc đong 2 lít-T.TECH Model: TC348	1	Chiếc	Việt Nam
45	Hộc đong 3 lít-T.TECH Model: TC349	1	Chiếc	Việt Nam
46	Hộc đong 5 lít-T.TECH Model: TC350	1	Chiếc	Việt Nam
47	Hộc đong 10 lít-T.TECH Model: TC352	1	Chiếc	Việt Nam
48	Hộc đong 15 lít-T.TECH Model: TC354	1	Chiếc	Việt Nam
49	Hộc đong 20 lít-T.TECH Model: TC355	1	Chiếc	Việt Nam
50	Bình tỷ trọng đất 100cc - TQ Model: TV157	1	Chiếc	Trung Quốc
51	Dụng cụ hấp phụ nước của cát - T.TECH Model: TS119	1	Bộ	Việt Nam
52	Bộ kim sắt xác định độ phong hóa - VN; Model: TA756	1	Bộ	Việt Nam
53	Thuốc xác định hạt dài, hạt dẹt - T.TECH Model: TA637	1	Chiếc	Việt Nam
54	Phiếu rót cát; kèm bình thể tích chuẩn và tấm dung trọng hiện trường, thùng gỗ, 4 đinh gim- T.TECH Model: TS342	1	Bộ	Việt Nam
55	Bộ dao vòng lấy mẫu đất - T.TECH. Model: TS036. kèm 03 lưỡi dao TS084-01	1	Bộ	Việt Nam
56	Bộ đo E bằng tấm ép tĩnh - T.TECH	1	Bộ	Việt Nam

## PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU XÂY DỰNG

	Model: TS306			
	Bao gồm: Tấm ép đk340mm, tấm tự lựa, kích thủy lực 32tấn gắn đồng hồ chỉ thị lực,			
	bộ giàn đỡ thiên phân kế, 02 thiên phân kế			
57	Bộ cần Benkenman - T.TECH kiểu dáng ELE (ANH). Model: TB227	1	Bộ	Việt Nam
	Tỷ lệ 2:1; làm bằng INOX , rút 3 đoạn, hình thức gọn gàng, dễ sử dụng			
58	Thước phẳng 3m - T.TECH/TQ (Code: TN022)	1	Bộ	Việt Nam
59	Dụng cụ xác định độ nhám mặt đường bằng PP rắc cát; Model: TB230	1	Bộ	Việt Nam
60	Máy nén đất tam liên - TQ Model: WG-1C (Số: 0183) kèm đầy đủ phụ kiện như quả cân, đá thấm, dao cắt.	1	Bộ	Trung Quốc
61	Máy cắt đất - TQ Kiểu: ZJ - 2 (Số: E0051) kèm đầy đủ phụ kiện: quả cân, hộp cắt, cung lực, đồng hồ	1	Bộ	Trung Quốc
62	ống đong 50 ml, Model: TV109	2	Chiếc	Trung Quốc
63	ống đong 100 ml, Model: TV110	2	Chiếc	Trung Quốc
64	ống đong 250 ml, Model: TV111	2	Chiếc	Trung Quốc
65	ống đong 500 ml, Model: TV112	2	Chiếc	Trung Quốc
66	ống đong 1000 ml, Model: TV113	2	Chiếc	Trung Quốc
67	Bình tam giác 50ml; TV1421-TQ	2	Chiếc	Trung Quốc
68	Bình tam giác 100ml; TV142-TQ	2	Chiếc	Trung Quốc

## PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU XÂY DỰNG

69	Bình tam giác 250ml; TV143-TQ	2	Chiếc	Trung Quốc
70	Bình tam giác 500ml; TV144-TQ	2	Chiếc	Trung Quốc
71	Bình tam giác 1000ml; TV145-TQ	2	Chiếc	Trung Quốc
72	Khay trộn mẫu 20 x 30; Model: TV343	2	Chiếc	Việt Nam
73	Khay trộn mẫu 550x550x50-T.TECH Model: TV333	2	Chiếc	Việt Nam
74	Bình hút âm - TQ; Model: TA167	1	Chiếc	Trung Quốc
75	Bộ cối chà bằng sứ - TQ Model: TV176	1	Bộ	Trung Quốc
76	Chày cao su - T.TECH; Model: TV174	1	Chiếc	Việt Nam
77	Thước kẹp tiêu chuẩn - TQ Model: TV317	1	Chiếc	Trung Quốc
78	Thìa xúc mẫu; Model: TV360	1	Chiếc	Việt Nam
79	Đục thép 2,5cm; Model: TV378	1	Chiếc	Việt Nam
80	Xăng xúc cát; Model: TV376	1	Chiếc	Việt Nam
81	Cân đựng cát chuẩn 5 lít; Model: TV213	1	Chiếc	Việt Nam
82	Búa cao su - VN; Model: TV375	1	Chiếc	Việt Nam
83	Búa thép - VN; Model: TV373	1	Chiếc	Việt Nam
84	Dao để gạt đất - T.TECH; Model: TS260	1	Chiếc	Việt Nam
85	Thìa trộn - VN; Model: TV364	1	Chiếc	Việt Nam
86	Bay trộn - VN; Model: TV362	1	Chiếc	Việt Nam
87	Bình xịt rửa mẫu - TQ; Model: V210	1	Chiếc	Trung Quốc
88	Hộp âm bằng nhôm - T.TECH Model: TV215	10	Chiếc	Việt Nam
89	Ca xúc mẫu - T.TECH; Model: TV346	1	Chiếc	Việt Nam
90	Bàn chải sắt - VN; Model: TV328	1	Chiếc	Việt Nam
91	Bếp cách cát 1000W / 220V - TQ; TV380	1	Chiếc	Trung Quốc

## PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU XÂY DỰNG

92	Bộ cối chà bằng Đồng - T.TECH Model: TV180	1	Bộ	Việt Nam
93	Đũa thủy tinh - TQ; Model: V259	1	Chiếc	Trung Quốc
94	Pipét 5ml - TQ; Model: TV249	1	Chiếc	Trung Quốc
95	Pipét 10ml - TQ; Model: TV250	1	Chiếc	Trung Quốc
96	Đồng hồ bấm giây - TQ/Liên Xô Model: TV298	1	Chiếc	Trung Quốc
97	Rọ cân trong nước - T.TECH Model: TV018	1	Chiếc	Việt Nam
98	Thước thép 5m - TQ; Model: TV471	1	Chiếc	Trung Quốc
99	Cân điện tử -TQ Kiểu: HW-B5000 – Số: 5016104 Mức cân lớn nhất $P_{max} =$ 5000g Giá trị độ chia nhỏ nhất $d =$ 0,01g		Chiếc	Trung Quốc
100	Cân điện tử - OHAUS (Mỹ) Model: BC-15 - Số: 80252101023 Mức cân lớn nhất $P_{max} =$ 15kg Giá trị độ chia nhỏ nhất $d =$ 0,5g	1	Chiếc	Mỹ
101	Tủ sấy 300C, model 101-2A - Kiểu: 101-2A; Số: 202111828	1	Chiếc	Trung Quốc
102	Khuôn đúc mẫu bê tông hình trụ D150x cao 150 cho máy thấm - T. TECH.	6	Chiếc	Việt Nam
103	Bộ gá mẫu thấm bê tông hình trụ, theo tiêu chuẩn Việt Nam, kiểu dáng Châu Âu - T.TECH	6	Bộ	Việt Nam



## PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU XÂY DỰNG

104	Kích thủy lực - Trung Quốc Kiểu: Thủy Lực; Số: 18C03797, đồng hồ chỉ thị áp	1	Chiếc	Trung Quốc
105	Hộp thấm đất nam kinh - Trung Quốc; Model: TST — 55	1	Chiếc	Trung Quốc
106	Bộ thấm đất cột nước không đổi - TQ; Model: TST - 70	1	Bộ	Trung Quốc
107	Bộ trong nở đất - TQ; Model: WZ - II	1	Bộ	Trung Quốc
108	Bảng cột nước thấm đơn	1	Bảng	Việt Nam
109	Máy nén Marshall 50 KN - T. TECH kiểu dáng Châu Âu hoạt động bằng động cơ điện, điện áp 220V/50HZ, theo tiêu chuẩn ASTM và AASHTO và phù hợp với tiêu chuẩn Việt Nam, tốc độ gia tải 50,8mm/ phút kèm theo piston, bộ gá ép 2 nửa, gá đỡ đồng hồ số (cha kè	1	Chiếc	Việt Nam
110	Vòng đo lực Marshall 50 KN Trung Quốc, (Kiểu: TS285) - Số: R1873 đồng hồ chỉ thị 10x0,01mm..	1	Chiếc	Trung Quốc
111	Bộ chày đầm marshall bằng tay - T. TECH kèm đế gỗ, 04 thanh định vị.	1	Bộ	Việt Nam
112	Cổ khuôn marshall	1	Chiếc	Việt Nam
113	Đế khuôn marshall	1	Chiếc	Việt Nam
114	Thân khuôn marshall	3	Chiếc	Việt Nam
115	Thùng(bể) ổn nhiệt - T. TECH; Kiểu: TB106; Số: HN003231 nhiệt độ điều khiển: 0 - 100 độ, dung tích: 32 lít	1	Chiếc	Việt Nam
116	Máy ly tâm tách nhựa - T.TECH; Nhiệt kế chỉ thị của bể tách chiết nhựa kiểu: TP-009; Số: 1011000 khả năng: 3000g tốc độ đọc điều khiển từ 0 - 2800V/ phút bằng biến tần - HITACHI -	1	Chiếc	Nhật



## PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU XÂY DỰNG

	Nhật, điện áp nguồn: 220V/50Hz			
117	Giấy lọc D320 ( 100 tờ/ hộp ).	1	Hộp	Việt Nam
118	Thiết bị giãn dài nhựa - T.TECH tốc độ kéo dài tiêu chuẩn 50,8mm/phút, kéo dài max 1500mm, động cơ 220V/50Hz.	1	Chiếc	Việt Nam
119	Thiết bị kim lún nhựa - T.TECH; đồng hồ chỉ thị dịch chuyển 50mm x 0,01 mm.	1	Bộ	Việt Nam
120	Thiết bị thí nghiệm bốc cháy nhựa - T.TECH; không kèm bình ga và van.	1	Bộ	Trung Quốc
121	Thiết bị thí nghiệm hóa mềm nhựa - T.TECH	1	Bộ	Việt Nam
122	Thiết bị XD tổn thất khi nung - T. TECH bao gồm: mô tơ 5 vòng/ phút, giá quay; 9 hộp mẫu.	1	Bộ	Việt Nam
123	Thiết bị siêu âm cọc khoan nhồi - Trung Quốc Model: CSL -2 ; Số: FD 1505434 AT. - Phần mềm giao diện hiển thị bằng tiếng anh - Cung cấp đồng bộ phụ kiện tiêu chuẩn.	1	Bộ	Olson-USA
124	Máy khoan bê tông xi măng, khoan bê tông nhựa....	1	Cái	Trung Quốc
125	Máy trộn vữa xi măng JJ-5	1	Cái	Trung Quốc
126	Cân đĩa điện tử kiểu BC15, Số: 23254	1	Cái	Trung Quốc
127	Máy thử độ bền nén bê tông – Trung Quốc. Kiểu: TYA-2000; Số: 230417.	1	Bộ	Trung Quốc



## PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU XÂY DỰNG

128	Kích thủy lực. Kiểu: KN250-150; Số: 181103.	1	Bộ	Trung Quốc
129	Máy thử độ chống thấm bê tông. Kiểu: HS-4; Số: HN003226.	1	Bộ	Trung Quốc
130	Lò nung – Trung Quốc. Kiểu: SX2-4-10A; Số: 2303961.	1	Bộ	Trung Quốc
131	Bộ thí nghiệm Bentonite – TQ Bao gồm các mã: NA-1; NB-1; 1006.	1	Bộ	Trung Quốc
132	Bếp cách cát.	1	Cái	Trung Quốc
133	Đồng hồ bấm giây.	1	Cái	Trung Quốc
134	Thiết bị thử cường độ bê tông bằng phương pháp bật nảy. Kiểu: M34; Số: 161673	1	Bộ	Thụy Sĩ
135	Máy đo điện trở. Kiểu: 4105A; Số: E8408001	1	Bộ	Kyoritsu-Thái Lan
136	Máy thử độ bền nén kéo Kiểu: Điện tử - WDW- 100; Số: 21122120-1	1	Bộ	Trung Quốc
137	Máy thử độ bền nén kéo đa năng Kiểu: WA-1000B; Số: 1708	1	Bộ	Trung Quốc
138	Kích thủy lực. Kiểu: Thủy lực; Số: 4687.25	1	Bộ	Trung Quốc
139	Máy photo copy MP 7503	1	Cái	Japan



**PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU XÂY DỰNG**

140	Đồng hồ so Kiểu: Lò xo ; Số: 232467	1	Cái	Trung Quốc
141	Thiết bị siêu âm cọc khoan nhồi Kiểu: CSL-2; Số: FD1505434AT	1	Cái	Olson-USA
142	Thiết bị đo giãn dài nhựa Kiểu: SY-15 ; Số: 17073	1	Cái	Trung Quốc
143	Cân kỹ thuật Kiểu: PR223/E ; Số: N/A	1	Cái	Trung Quốc
144	Cân phân tích Kiểu: GS300 ; Số: N/A	1	Cái	Trung Quốc
145	Chân không kế- Bơm hút chân không Kiểu: FY-1C-N ; Số: N/A	1	Cái	Trung Quốc
146	Áp kế-Máy thu độ bền chống thấm bê tông Kiểu: HS-4 ; Số: HN006498	1	Cái	Trung Quốc
147	Kích Kiểu: Thủy lực ; Số: 240516	1	Cái	Trung Quốc
148	Nhiệt kế Kiểu: Điện tử ; Số: N/A	1	Cái	Trung Quốc
149	Kích Kiểu: Thủy lực ; Số: 200219	1	Cái	Trung Quốc
150	Phương tiện đo điện trở tiếp đất Kiểu: 4105A ; Số: E8408001	1	Cái	Kyoritsu-Thái Lan



Địa chỉ: Đường tránh QL1A, phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa  
Điện thoại: 02378.696.636 – Email: trungtamtdc36@gmail.com

**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH**

*CERTIFICATE OF VERIFICATION*

Số (N<sup>o</sup>): 2a - 156/2026

Tên đối tượng: **Cân kỹ thuật**  
*Object*

Kiểu: **HW-B5000**  
*Type*

Sản xuất tại: **Nhật Bản**  
*Manufacturer:*

Số/Mã QL: **5016104**  
*Serial N<sup>o</sup>:*

Năm:  
*Year*

**Đặc trưng đo lường:** Mức cân lớn nhất (*Max capacity*): **Max = 5 000 g**

*Specifications:* Giá trị độ chia nhỏ nhất (*value division*): **d = 0,01 g**

Cấp chính xác (*Class*): **II**

Nơi sử dụng: **Số 23/62 phố Lê Phụ, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá**  
*Place*

Người/Đơn vị sử dụng: **Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Kiểm định Xây dựng Tiến Đạt**  
*User:*

Phương pháp thực hiện: **ĐLVN 16 : 2021**  
*Method of verification:*

Chế độ kiểm định: **Định kỳ**  
*Type of verification:*

**Kết luận:** Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường (*satisfactory technical measurement*)  
*Conclusion:*

Số tem kiểm định: **26A.06892**  
*Verification stamp N<sup>o</sup>:*

Thời hạn đến (\*): **22 – 6 – 2027**  
*Valid until:*

Thanh Hóa, ngày 22 tháng 6 năm 2026  
*Date of issue*

**KIỂM ĐỊNH VIÊN**  
*Verifier by*



**Lê Hùng Nam**

**GIÁM ĐỐC**  
*Director*



**ThS. Nguyễn Mạnh Hợp**

ĐK36

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
CALIBRATION CERTIFICATE  
Số (N<sup>o</sup>): 12a – 820 /HCL-2026

Tên phương tiện đo:  
(Object)

**KÍCH**

Kiểu: **Thủy lực**  
(Type)

Số/Mã QL: **25B.3368**  
(Serial No/Tag No)

Cơ sở sản xuất: **Trung Quốc**  
(Manufacturer)

Năm:  
(Date of manufacturer)

Đặc trưng kỹ thuật:  
(Technical Specification)

- Khả năng tạo lực lớn nhất: **Max = 170 kN**  
- Áp kế chỉ thị: **(0 – 60) MPa/1 Mpa; số: 23106199123**

Cơ sở sử dụng: **Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Kiểm định Xây dựng Tiến Đạt**  
(Customer) **Số 23/62 phố Lê Phụ, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá**

Phương pháp thực hiện: **ĐLVN 108 : 2002**  
(In accordance used)

Chuẩn được sử dụng: - Cung lực chuẩn, **U = 0,13%**  
(Standards used) - Liên kết chuẩn **VMI**

**Kết quả: Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**  
(Results) (See the results of the calibration on the next page)

Tem hiệu chuẩn số: **25B.3368**  
(Calibration Stamp N<sup>o</sup>)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị: **22 – 6 – 2027**  
(Recalibration recommended)

Thanh Hóa, ngày 22 tháng 6 năm 2026

**GIÁM ĐỐC**

Director



**ThS. Nguyễn Mạnh Hợp**

**BM 14.01/ĐL**

Ngày ban hành: 01/06/2025

Trang: 1/2  
(N<sup>o</sup> of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và Ứng dụng, chuyên giao Khoa học Công nghệ Thanh Hóa.  
This certificate may not be reproduced ather than in full except with puthe permission of Thanh Hoa technical Centre for Standards, Metrology, Quality and technology transfer.

ĐK36

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**

CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N<sup>o</sup>): 12a – 818 /HCL-2026

Tên phương tiện đo: **MÁY THỬ ĐỘ BỀN NÉN**  
(Object)

Kiểu: **Điện tử - TYA-2000**  
(Type)

Cơ sở sản xuất: **Trung Quốc**  
(Manufacturer)

Số/Mã QL: **230417**  
(Serial No/Tag No)

Năm: **2023**  
(Date of manufacturer)

Đặc trưng kỹ thuật:  
(Technical Specification)

- Phạm vi đo: **(0 – 2 000) kN**
- Giá trị độ chia nhỏ nhất: **0,01/0,1 kN**
- Cấp chính xác: **1**

Cơ sở sử dụng: **Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Kiểm định Xây dựng Tiên Đạt**  
(Customer) **Số 23/62 phố Lê Phú, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá**

Phương pháp thực hiện: **ĐLVN 109 : 2002**  
(In accordance used)

Chuẩn được sử dụng: - Cung lực chuẩn, **U = 0,13%**  
(Standards used) - Liên kết chuẩn **VMI**

**Kết quả: Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**  
(Results) (See the results of the calibration on the next page)

Tem hiệu chuẩn số: **25B.3370**  
(Calibration Stamp N<sup>o</sup>)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị: **22 – 6 – 2027**  
(Recalibration recommended)

Thanh Hóa, ngày 22 tháng 6 năm 2026

**GIÁM ĐỐC**

Director



**ThS. Nguyễn Mạnh Hợp**

ĐK36

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
CALIBRATION CERTIFICATE  
Số (N<sup>o</sup>): 12a – 819 /HCL-2026

Tên phương tiện đo: **MÁY THỬ ĐỘ BỀN KÉO NÉN**  
(Object)

Kiểu: **Điện tử - WA-1000B**  
(Type)

Cơ sở sản xuất: **Trung Quốc**  
(Manufacturer)

Số/Mã QL: **1708**  
(Serial No/Tag No)

Năm:  
(Date of manufacturer)

Đặc trưng kỹ thuật:  
(Technical Specification)

- Phạm vi đo: **(0 – 1 000) kN**
- Giá trị độ chia nhỏ nhất: **0,01 kN**
- Cấp chính xác: **1**

Cơ sở sử dụng: **Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Kiểm định Xây dựng Tiến Đạt**  
(Customer) **Số 23/62 phố Lê Phụ, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá**

Phương pháp thực hiện: **ĐLVN 109 : 2002**  
(In accordance used)

Chuẩn được sử dụng:  
(Standards used)

- Cung lực chuẩn, **U = 0,16%**
- Liên kết chuẩn **VMI**

**Kết quả:** **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**  
(Results) (See the results of the calibration on the next page)

Tem hiệu chuẩn số: **25B.3369**  
(Calibration Stamp N<sup>o</sup>)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị: **22 – 6 – 2027**  
(Recalibration recommended)

Thanh Hóa, ngày 22 tháng 6 năm 2026

**GIÁM ĐỐC**

Director



VILAS 142



**ThS. Nguyễn Mạnh Hợp**

**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA**  
*Measurement and Testing Certificate*  
Số (N<sup>0</sup>): 12a - 821 /KQĐ-2026

**Tên phương tiện đo:** CÀN ĐO BENKELMAN

*(Object)*

**Kiểu:** Cơ – TB 102

*(Type)*

**Cơ sở sản xuất:** Việt Nam

*(Manufacturer)*

**Số/Mã QL:** 1008

*(Serial No/Tag No)*

**Năm:** N/A

*(Date of manufacturer)*

**Đặc trưng kỹ thuật:**

*(Technical Specification)*

- Phạm vi đo theo Tiêu chuẩn AASHTO T256

- Giá trị độ chia: 0,01 mm; tỉ lệ: 1:2

**Cơ sở sử dụng:** Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Kiểm định Xây dựng Tiến Đạt

*(Customer)*

Số 23/62 phố Lê Phụ, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá

**Phương pháp thực hiện:** QTHC/VLXD 2025

*(In accordance used)*

**Chuẩn được sử dụng:**

*(Standards used)*

- Bộ căn mẫu song phẳng Cấp 1

**Kết quả:** Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

*(Results) (See the results of the calibration on the next page)*

**Tem hiệu chuẩn số:** 25B.3371

*(Calibration Stamp N<sup>o</sup>)*

**Ngày hiệu chuẩn đề nghị:** 22 – 6 – 2027

*(Recalibration recommended)*

Thanh Hóa, ngày 22 tháng 6 năm 2026

**GIÁM ĐỐC**  
Director  
  
ThS. Nguyễn Mạnh Hợp

**BM 14.01**

Ngày ban hành: 01/6/2025

**Trang: 1/2**

*(N<sup>o</sup> of pages)*

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và Ứng dụng, Chuyên gia KHCN Thanh Hóa  
*This certificate may not be reproduced ather than in full except with puthe permission of Thanh Hoa Center for Standards, Metrology, Quality and Technology Transfer*

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  
THANH HÓA

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN  
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG VÀ ỨNG DỤNG,  
CHUYÊN GIAO KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Địa chỉ: Đường tránh QL1A, phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa  
Điện thoại: 02378.696.636 – Email: trungtamtdc36@gmail.com

**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH**  
**CERTIFICATE OF VERIFICATION**

Số (N<sup>o</sup>): 7a - 36/2026

Tên đối tượng: Áp kế  
Object

Kiểu: Lò xo  
Type

Sản xuất tại: Trung Quốc  
Manufacturer:

Đặc trưng đo lường: Phạm vi đo (Measurement range): (0 - 60) MPa  
Specifications: Giá trị độ chia nhỏ nhất (value division): 1 MPa  
Cấp chính xác (Class): 1.6

Nơi sử dụng: Số 23/62 phố Lê Phụ, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá  
Place

Người/Đơn vị sử dụng: Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng G6  
User:

Phương pháp thực hiện: ĐLVN 08 : 2011  
Method of verification:

Chế độ kiểm định: Định kỳ  
Type of verification:

Kết luận: Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường (satisfactory technical measurement)  
Conclusion:

Số tem kiểm định: 26A.03068  
Verification stamp N<sup>o</sup>:

Thời hạn đến (\*): 14 - 4 - 2027  
Valid until:

Số: 1703035423

Serial N<sup>o</sup>:

Năm:  
Year

Thanh Hóa, ngày 14 tháng 4 năm 2026  
Date of issue

KIỂM ĐỊNH VIÊN

Verifier by



Lê Hùng Nam

GIÁM ĐỐC

Director



ThS. Nguyễn Mạnh Hợp

(\* ) Với điều kiện tôn trọng nguyên tắc sử dụng và bảo quản  
(With respectfulness of conditions of use and maintenance)

BM 14.03/ĐL-NC  
Ngày ban hành 01/06/2025

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (ĐK36)**  
**CALIBRATION CERTIFICATE**  
Số (N<sup>o</sup>): 12a - 235/HCL-2026

Tên phương tiện đo: **MÁY THỬ ĐỘ BỀN NÉN**  
(Object)

Kiểu: **Chỉ thị tương tự - TE-216**  
(Type)

Cơ sở sản xuất: **Việt Nam**  
(Manufacturer)

Số/Mã QL: **0261**  
(Serial No/Tag No)

Năm:  
(Date of manufacturer)

Đặc trưng kỹ thuật:  
(Technical Specification)

- Phạm vi đo: **(0 – 100) kN**
- Giá trị độ chia nhỏ nhất: **0,2 kN**
- Cấp chính xác: **1**

Cơ sở sử dụng: **Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng G6**  
(Customer) **Số 23/62 phố Lê Phụ, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá**

Phương pháp thực hiện: **ĐLVN 109 : 2002**  
(In accordance used)

Chuẩn được sử dụng: - Cung lực chuẩn 100 kN, U = 0,13%  
(Standards used) - Liên kết chuẩn VMI

**Kết quả: Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**  
(Results) (See the results of the calibration on the next page)

Tem hiệu chuẩn số: **25B.2736**  
(Calibration Stamp N<sup>o</sup>)

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tới: **14 – 4 – 2027**  
(Recalibration due)

Thanh Hóa, ngày 14 tháng 4 năm 2026

**GIÁM ĐỐC**

Director



**ThS. Nguyễn Mạnh Hợp**

**BM 14.01/ĐL**

Ngày ban hành: 01/06/2025

Trang: 1/2  
(N<sup>o</sup> of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và Ứng dụng, chuyên giao Khoa học Công Nghệ Thanh Hóa.  
This certificate may not be reproduced other than in full except with the permission of Thanh Hoa technical Centre for Standards, Metrology, Quality and technology transfer.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THANH HÓA  
THANH HOA DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY  
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG VÀ ỨNG DỤNG,  
CHUYÊN GIAO KHOA HỌC CÔNG NGHỆ  
THANH HOA TECHNICAL CENTRE FOR STANDARDS-METROLOGY AND QUALITY  
Địa chỉ: Đường tránh QL1A, phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa  
Điện thoại: 02378.696.636 – Email: [trungtamtdc36@gmail.com](mailto:trungtamtdc36@gmail.com)

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (ĐK36)**

CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N<sup>o</sup>): 12a – 238/HCN-2026

Tên phương tiện đo:

**LÒ NUNG**

(Object)

Kiểu: **SX2 – 4 - 10A**

(Type)

Cơ sở sản xuất: **Trung Quốc**

(Manufacturer)

Số/Mã QL: **2303961**

(Serial No/Tag No)

Năm: **2023**

(Date of manufacturer)

Đặc trưng kỹ thuật:

(Technical Specification)

- Phạm vi: **(100 – 1 000) °C**

- Giá trị độ chia: **1 °C**

Cơ sở sử dụng:

(Customer)

**Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng G6**

**Số 23/62 phố Lê Phú, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá**

Phương pháp thực hiện:

(In accordance used)

**QTHC/N 02:2025**

Chuẩn được sử dụng:

(Standards used)

- Nhiệt kế điện tử đa kênh, **U = 0,2 °C**

Liên kết chuẩn **Vilas 1462**

**Kết quả: Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**

(Results) (See the results of the calibration on the next page)

Tem hiệu chuẩn số:

(Calibration Stamp N<sup>o</sup>)

**25B.2733**

Ngày hiệu chuẩn đề nghị:

(Recalibration recommended)

**14 – 4 – 2027**

Thanh Hóa, ngày 14 tháng 4 năm 2026

**GIÁM ĐỐC**

Director



**Th.S. Nguyễn Mạnh Hợp**

**BM 14.01/ĐL**

Ngày ban hành: **01/06/2025**

Trang:

(N<sup>o</sup> of pages)

1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và Ứng dụng, chuyên giao Khoa học Công Nghệ Thanh Hóa.  
This certificate may not be reproduced other than in full except with the permission of Thanh Hoa technical Centre for Standards, Metrology, Quality and technology transfer.

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (ĐK36)**  
**CALIBRATION CERTIFICATE**  
Số (N<sup>o</sup>): 12a – 236/HCL - 2026

Tên phương tiện đo: **MÁY THỬ ĐỘ BỀN KÉO NÉN UỐN**  
(Object)

Kiểu: **Chỉ thị tương tự - TH-152**  
(Type)

Cơ sở sản xuất: **Trung Quốc**  
(Manufacturer)

Số/Mã QL: **0273**  
(Serial No/Tag No)

Năm:  
(Date of manufacturer)

Đặc trưng kỹ thuật:  
(Technical Specification)

- Phạm vi đo: **(0 – 800)/(0 – 2 000) kN**
- Giá trị độ chia nhỏ nhất: **2,5/5,0 kN**
- Cấp chính xác: **2**

Cơ sở sử dụng: **Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng G6**  
(Customer) **Số 23/62 phố Lê Phụ, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá**

Phương pháp thực hiện: **ĐLVN 109 : 2002**  
(In accordance used)

Chuẩn được sử dụng: - Cung lực chuẩn **3 000 kN, U = 0,13%**  
(Standards used) - Liên kết chuẩn **VMI**

Kết quả: **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**  
(Results) (See the results of the calibration on the next page)

Tem hiệu chuẩn số: **25B.2735**  
(Calibration Stamp N<sup>o</sup>)

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tới: **14 – 4 – 2027**  
(Recalibration due)

Thanh Hóa, ngày 14 tháng 4 năm 2026

**GIÁM ĐỐC**



**ThS. Nguyễn Mạnh Hợp**

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THANH HÓA  
THANH HOA DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY  
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG VÀ ỨNG DỤNG,  
CHUYÊN GIA KHOA HỌC CÔNG NGHỆ  
THANH HOA CENTER FOR STANDARDS, METROLOGY, QUALITY AND TECHNOLOGY TRANSFER  
Địa chỉ: Đường tránh QL1A, phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa  
Điện thoại: 02378.696.636 – Email: trungtamtdc36@gmail.com

**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA**  
*Measurement and Testing Certificate*  
Số (N<sup>0</sup>): 12a – 252/KQĐ-2026

**Tên phương tiện đo:** THIẾT BỊ KIỂM TRA MÀI MÒN

(Object)

**Kiểu:** N/A

(Type)

**Cơ sở sản xuất:** Trung Quốc

(Manufacturer)

**Số/Mã QL:** 18C01509

(Serial No/Tag No)

**Năm:** N/A

(Year of manufacturer)

**Đặc trưng kỹ thuật:** - Phạm vi đo theo Tiêu chuẩn TCVN 3114:2022; ASTM D 3884

(Technical Specification)

**Cơ sở sử dụng:** Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng G6

(Customer)

Số 23/62 phố Lê Phụ, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá

**Phương pháp thực hiện:** QTHC/VLXD 2025

(In accordance used)

**Chuẩn được sử dụng:** - Bộ căn mẫu song phẳng Cấp 1; Thước cặp  
(Standards used) - Đồng hồ bấm giây; Máy đo tốc độ vòng quay.

**Kết quả:** Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(Results) (See the results of the calibration on the next page)

**Tem hiệu chuẩn số:** 25B.2719

(Calibration Stamp N<sup>o</sup>)

**Ngày khuyến nghị lần tới:** 14 – 4 – 2027

(Recalibration recommended)

Thanh Hóa, ngày 14 tháng 4 năm 2026

**GIÁM ĐỐC**

Director



**ThS. Nguyễn Mạnh Hợp**

**BM 14.05**

Ngày ban hành: 01/6/2025

**Trang: 1/2**

(N<sup>o</sup> of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và Ứng dụng, Chuyên gia KHCN Thanh Hóa  
This certificate may not be reproduced other than in full except with the permission of Thanh Hoa Center for Standards, Metrology, Quality and Technology Transfer

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THANH HÓA  
THANH HOA DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY  
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG VÀ ỨNG DỤNG,  
CHUYÊN GIAO KHOA HỌC CÔNG NGHỆ  
THANH HOA CENTER FOR STANDARDS, METROLOGY, QUALITY AND TECHNOLOGY TRANSFER  
Địa chỉ: Đường tránh QL1A, phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa  
Điện thoại: 02378.696.636 – Email: trungtamtdc36@gmail.com

**GIẤY CHỨNG NHẬN  
KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA**  
*Measurement and Testing Certificate*  
Số (N<sup>0</sup>): 12a – 251/KQĐ-2026

**Tên phương tiện đo: THIẾT BỊ ĐO GIẢN DÀI NHỰA**  
(Object)

**Kiểu: SY – 15**  
(Type)

**Cơ sở sản xuất: Trung Quốc**  
(Manufacturer)

**Số/Mã QL: 17073**  
(Serial No/Tag No)

**Năm: N/A**  
(Year of manufacturer)

**Đặc trưng kỹ thuật: - Phạm vi đo theo Tiêu chuẩn TCVN 7496:2005**  
(Technical Specification)

**Cơ sở sử dụng: Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng G6**  
(Customer) **Số 23/62 phố Lê Phụng, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá**

**Phương pháp thực hiện: QTHC/VLXD 2025**  
(In accordance used)

**Chuẩn được sử dụng: - Bộ căn mẫu song phẳng Cấp 1; Thước cặp**  
(Standards used) **- Đồng hồ bấm giây.**

**Kết quả: Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**  
(Results) (See the results of the calibration on the next page)

**Tem hiệu chuẩn số: 25B.2720**  
(Calibration Stamp N<sup>o</sup>)

**Ngày khuyến nghị lần tới: 14 – 4 – 2027**  
(Recalibration recommended)

Thanh Hóa, ngày 14 tháng 4 năm 2026

**GIÁM ĐỐC**  
Director  
  
**ThS. Nguyễn Mạnh Hợp**

**BM 14.05**  
Ngày ban hành: 01/6/2025  
**Trang: 1/2**  
(N<sup>o</sup> of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và Ứng dụng, Chuyên gia KHCN Thanh Hóa  
This certificate may not be reproduced other than in full except with the permission of Thanh Hoa Center for Standards, Metrology, Quality and Technology Transfer

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THANH HÓA  
THANH HOA DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY  
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG VÀ ỨNG DỤNG,  
CHUYÊN GIAO KHOA HỌC CÔNG NGHỆ  
THANH HOA CENTER FOR STANDARDS, METROLOGY, QUALITY AND TECHNOLOGY TRANSFER  
Địa chỉ: Đường tránh QL1A, phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa  
Điện thoại: 02378.696.636 – Email: trungtamtdc36@gmail.com

**GIẤY CHỨNG NHẬN  
KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA**  
*Measurement and Testing Certificate*  
Số (N<sup>0</sup>): 12a - 250/KQĐ-2026

**Tên phương tiện đo: THIẾT BỊ SIÊU ÂM CỌC KHOAN NHỒI**

(Object)

**Kiểu: CSL - 2**

(Type)

**Cơ sở sản xuất: Olson - Mỹ**

(Manufacturer)

**Số/Mã QL: FD1505434AT**

(Serial No/Tag No)

**Năm: N/A**

(Year of manufacturer)

**Đặc trưng kỹ thuật: - Đầu dò: 42 kHz; Dải lọc tần: (15 – 100) kHz**

(Technical Specification)

- Độ dài đo: (0 – 100) m;

- Phù hợp Tiêu chuẩn ASTM D6760

**Cơ sở sử dụng: Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng G6**

(Customer)

Số 23/62 phố Lê Phú, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá

**Phương pháp thực hiện: Đo, kiểm tra trực tiếp;**

(In accordance used)

Thước mét chuẩn.

**Kết quả: Xem kết quả trang sau**

(Results)

**Tem hiệu chuẩn số: 25B.2721**

(Calibration Stamp N<sup>o</sup>)

**Ngày khuyến nghị lần tới: 14 – 4 – 2027**

(Recalibration recommended)

Thanh Hóa, ngày 13 tháng 4 năm 2026

**GIÁM ĐỐC**



**ThS. Nguyễn Mạnh Hợp**

**BM 14.05**

Ngày ban hành: 01/6/2025

**Trang: 1/1**

(N<sup>o</sup> of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và Ứng dụng, Chuyên giao KHCN Thanh Hóa

This certificate may not be reproduced other than in full except with the permission of Thanh Hoa Center for Standards, Metrology, Quality and Technology Transfer

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (ĐK36)**  
CALIBRATION CERTIFICATE  
Số (N<sup>0</sup>): 12a/243 - HC/2026

Tên phương tiện đo:  
(Object)

**ĐỒNG HỒ SO**

Kiểu: **Lò xo**  
(Type)

Cơ sở sản xuất: **Trung Quốc**  
(Manufacturer)

Số/Mã QL: **232467**  
(Serial No/Tag No)

Năm:  
(Date of manufacturer)

Đặc trưng kỹ thuật:  
(Technical Specification)

- Phạm vi đo: **(0 - 50) mm**  
- Giá trị độ chia nhỏ nhất: **0,01 mm**

Cơ sở sử dụng:  
(Customer)

**Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng G6**  
**Số 23/62 phố Lê Phú, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá**

Phương pháp thực hiện: **QTHC/ĐD 04 : 2025**  
(In accordance used)

Chuẩn được sử dụng: - Bộ hiệu chuẩn đồng hồ so,  $U = (0,58 + 0,13.L) \mu m$   
(Standards used) - Bộ căn mẫu chuẩn;

- Liên kết chuẩn Quatest 1; Vilas 1462

**Kết quả: Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**  
(Results) (See the results of the calibration on the next page)

Tem hiệu chuẩn số: **25B.2726**  
(Calibration Stamp N<sup>0</sup>)

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tới: **14 - 4 - 2027**  
(Recalibration due)

Thanh Hóa, ngày 14 tháng 4 năm 2026

**GIÁM ĐỐC**



**ThS. Nguyễn Mạnh Hợp**

**BM 14.01/ĐL**

Ngày ban hành: 01/06/2025

Trang: 1/2  
(N<sup>0</sup> of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và Ứng dụng, chuyên giao Khoa học Công nghệ Thanh Hóa.  
This certificate may not be reproduced other than in full except with the permission of Thanh Hoa technical Centre for Standards, Metrology, Quality and technology transfer.

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (ĐK36)**  
CALIBRATION CERTIFICATE  
Số (N<sup>o</sup>): 12a – 245/HCN-2026

Tên phương tiện đo: **NHIỆT KẾ (Thiết bị tách chiết nhựa)**  
(Object)  
Kiểu: **TP-009** Số/Mã QL: **1011000**  
(Type) (Serial No/Tag No)  
Cơ sở sản xuất: **Việt Nam** Năm:  
(Manufacturer) (Date of manufacturer)

Đặc trưng kỹ thuật: - Phạm vi đo: **(30 – 120) °C**  
(Technical Specification) - Giá trị độ chia nhỏ nhất: **5 °C**

Cơ sở sử dụng: **Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng G6**  
(Customer) **Số 23/62 phố Lê Phú, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá**

Phương pháp thực hiện: **ĐLVN 138 : 2004**  
(In accordance used)

Chuẩn được sử dụng: - Nhiệt kế điện trở platin, U = 0,015 °C  
(Standards used) - Lò nhiệt chuẩn;  
- Liên kết chuẩn VMI; Vilas 1462

**Kết quả: Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**  
(Results) (See the results of the calibration on the next page)

Tem hiệu chuẩn số: **25B.2722**  
(Calibration Stamp N<sup>o</sup>)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị: **14 – 4 – 2027**  
(Recalibration recommended)

Thanh Hóa, ngày 14 tháng 4 năm 2026

**GIÁM ĐỐC**

Director



**ThS. Nguyễn Mạnh Hợp**

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THANH HÓA  
THANH HOA DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY  
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG VÀ ỨNG DỤNG,  
CHUYÊN GIAO KHOA HỌC CÔNG NGHỆ  
THANH HOA TECHNICAL CENTRE FOR STANDARDS-METROLOGY AND QUALITY  
Địa chỉ: Đường tránh QL1A, phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa  
Điện thoại: 02378.696.636 – Email: trungtamtdc36@gmail.com

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (ĐK36)**  
CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N<sup>o</sup>): 12a – 248/HCN-2026

Tên phương tiện đo: **BỂ ỔN NHIỆT**  
(Object)  
Kiểu: **TB 106** Số/Mã QL: **HN006508**  
(Type) (Serial No/Tag No)  
Cơ sở sản xuất: **Trung Quốc** Năm:  
(Manufacturer) (Date of manufacturer)

Đặc trưng kỹ thuật: - Phạm vi: **(25 – 100) °C**  
(Technical Specification) - Giá trị độ chia: **1 °C**

Cơ sở sử dụng: **Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng G6**  
(Customer) **Số 23/62 phố Lê Phụ, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá**

Phương pháp thực hiện: **QTHC/N 01:2025**  
(In accordance used)

Chuẩn được sử dụng: - Nhiệt kế điện tử đa kênh, **U = 0,2 °C**  
(Standards used) Liên kết chuẩn **Vilas 1462**

**Kết quả: Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**  
(Results) (See the results of the calibration on the next page)

Tem hiệu chuẩn số: **25B.2723**  
(Calibration Stamp N<sup>o</sup>)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị: **14 – 4 – 2027**  
(Recalibration recommended)

Thanh Hóa, ngày 14 tháng 4 năm 2026

**GIÁM ĐỐC**



**ThS. Nguyễn Mạnh Hợp**

**BM 14.01/ĐL**  
Ngày ban hành: 01/06/2025  
**Trang:** 1/2  
(N<sup>o</sup> of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và Ứng dụng, chuyên giao Khoa học Công nghệ Thanh Hóa.  
This certificate may not be reproduced other than in full except with the permission of Thanh Hoa technical Centre for Standards, Metrology, Quality and technology transfer.

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (ĐK36)**  
CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N<sup>o</sup>): 12a - 249/HCL-2026

Tên phương tiện đo: **MÁY THỬ ĐỘ BỀN KÉO NÉN**  
(Object)

Kiểu: **Điện tử - WDW-100**  
(Type)

Cơ sở sản xuất: **Trung Quốc**  
(Manufacturer)

Số/Mã QL: **21122120-1**  
(Serial No/Tag No)

Năm:  
(Date of manufacturer)

Đặc trưng kỹ thuật:  
(Technical Specification)

- Phạm vi đo: **(0 – 100) kN**
- Giá trị độ chia nhỏ nhất: **0,01 kN**
- Cấp chính xác: **1**

Cơ sở sử dụng: **Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng G6**  
(Customer) **Số 23/62 phố Lê Phụ, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá**

Phương pháp thực hiện: **ĐLVN 109 : 2002**  
(In accordance used)

Chuẩn được sử dụng: - Cung lực chuẩn 100 kN, U = 0,13%  
(Standards used) - Liên kết chuẩn VMI

**Kết quả: Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**  
(Results) (See the results of the calibration on the next page)

Tem hiệu chuẩn số: **25B.2728**  
(Calibration Stamp N<sup>o</sup>)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị: **14 – 4 – 2027**  
(Recalibration recommended)

Thanh Hóa, ngày 14 tháng 4 năm 2026

**GIÁM ĐỐC**



**ThS. Nguyễn Mạnh Hợp**

Địa chỉ: Đường tránh QL1A, phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa  
Điện thoại: 02378.696.636 – Email: trungtamtdc36@gmail.com

**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH**

**CERTIFICATE OF VERIFICATION**

Số (N<sup>o</sup>): 2a - 50/2026

**Tên đối tượng:** Cân kỹ thuật  
*Object*

**Kiểu:** SN 121-15  
*Type*

**Số:** 8025210123  
*Serial N<sup>o</sup>:*

**Sản xuất tại:** Excell - Đài Loan  
*Manufacturer:*

**Năm:**  
*Year*

**Đặc trưng đo lường:** Mức cân lớn nhất (*Max capacity*): Max = 15 kg  
*Specifications:* Giá trị độ chia nhỏ nhất (*value division*): d = 0,5 g  
Cấp chính xác (*Class*): II

**Nơi sử dụng:** Số 23/62 phố Lê Phụ, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá  
*Place*

**Người/Đơn vị sử dụng:** Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng G6  
*User:*

**Phương pháp thực hiện:** ĐLVN 16 : 2021  
*Method of verification:*

**Chế độ kiểm định:** Định kỳ  
*Type of verification:*

**Kết luận:** Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường (*satisfactory technical measurement*)  
*Conclusion:*

**Số tem kiểm định:** 26A.03061  
*Verification stamp N<sup>o</sup>:*

**Thời hạn đến (\*):** 15 – 4 – 2027  
*Valid until:*

Thanh Hóa, ngày 14 tháng 4 năm 2026  
*Date of issue*

**KIỂM ĐỊNH VIÊN**  
*Verifier by*



Lê Hùng Nam

**GIÁM ĐỐC**  
*Director*



ThS. Nguyễn Mạnh Hợp

(\* ) Với điều kiện tôn trọng nguyên tắc sử dụng và bảo quản  
*(With respectfulness of conditions of use and maintenance)*

**BM 14.03/ĐL-NC**  
Ngày ban hành 01/06/2025

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  
THANH HÓA

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN  
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG VÀ ỨNG DỤNG,  
CHUYÊN GIAO KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Địa chỉ: Đường tránh QL1A, phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa  
Điện thoại: 02378.696.636 – Email: trungtamtdc36@gmail.com

**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH**  
**CERTIFICATE OF VERIFICATION**

Số (N<sup>0</sup>): 2a - 51/2026

Tên đối tượng: Cân kỹ thuật  
Object

Kiểu: BC-15  
Type

Số: 23254  
Serial N<sup>0</sup>:

Sản xuất tại: Ohaus - Trung Quốc  
Manufacturer:

Năm:  
Year

Đặc trưng đo lường: Mức cân lớn nhất (Max capacity): Max = 15 kg  
Specifications:

Giá trị độ chia nhỏ nhất (value division): d = 0,5 g

Cấp chính xác (Class): II

Nơi sử dụng: Số 23/62 phố Lê Phụ, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá  
Place

Người/Đơn vị sử dụng: Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng G6  
User:

Phương pháp thực hiện: ĐLVN 16 : 2021  
Method of verification:

Chế độ kiểm định: Định kỳ  
Type of verification:

Kết luận: Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường (satisfactory technical measurement)  
Conclusion:

Số tem kiểm định: 26A.03062  
Verification stamp N<sup>0</sup>:

Thời hạn đến (\*): 14 - 4 - 2027  
Valid until:

Thanh Hóa, ngày 14 tháng 4 năm 2026  
Date of issue

KIỂM ĐỊNH VIÊN  
Verifier by

GIÁM ĐỐC  
Director



Lê Hùng Nam



ThS. Nguyễn Mạnh Hợp

(\* ) Với điều kiện tôn trọng nguyên tắc sử dụng và bảo quản  
(With respectfulness of conditions of use and maintenance)

BM 14.03/ĐL-NC  
Ngày ban hành 01/06/2025

Địa chỉ: Đường tránh QL1A, phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa  
Điện thoại: 02378.696.636 – Email: trungtamtdc36@gmail.com

**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH**

**CERTIFICATE OF VERIFICATION**

Số (N<sup>0</sup>): 2a - 52/2026

Tên đối tượng: Cân kỹ thuật  
Object

Kiểu: PR223/E  
Type

Số: N/A  
Serial N<sup>0</sup>:

Sản xuất tại: Trung Quốc  
Manufacturer:

Năm:  
Year

Đặc trưng đo lường: Mức cân lớn nhất (Max capacity): Max = 3 000 g  
Specifications:

Giá trị độ chia nhỏ nhất (value division): d = 0.01 g

Cấp chính xác (Class): II

Nơi sử dụng: Số 23/62 phố Lê Phụ, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá  
Place

Người/Đơn vị sử dụng: Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng G6  
User:

Phương pháp thực hiện: ĐLVN 16 : 2021  
Method of verification:

Chế độ kiểm định: Định kỳ  
Type of verification:

Kết luận: Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường (satisfactory technical measurement)  
Conclusion:

Số tem kiểm định: 26A.03063  
Verification stamp N<sup>0</sup>:

Thời hạn đến (\*): 14 - 4 - 2027  
Valid until:

Thanh Hóa, ngày 14 tháng 4 năm 2026  
Date of issue

KIỂM ĐỊNH VIÊN  
Verifier by

  
VN  
N227

Lê Hùng Nam

GIÁM ĐỐC  
Director

  
TRUNG TÂM  
KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN  
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG  
VÀ ỨNG DỤNG  
CHUYÊN GIAO KHOA HỌC  
CÔNG NGHỆ  
THANH HÓA

ThS. Nguyễn Mạnh Hợp

Địa chỉ: Đường tránh QL1A, phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa  
Điện thoại: 02378.696.636 – Email: trungtamtdc36@gmail.com

**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH**  
**CERTIFICATE OF VERIFICATION**

Số (N<sup>o</sup>): 2a - 53/2026

**Tên đối tượng:** Cân phân tích  
*Object*

**Kiểu:** GS300  
*Type*

**Sản xuất tại:** Shinko - Nhật Bản  
*Manufacturer:*

**Đặc trưng đo lường:** Mức cân lớn nhất (*Max capacity*): **Max = 300 g**  
*Specifications:*

Giá trị độ chia nhỏ nhất (*value division*): **d = 0.001 g**

Cấp chính xác (*Class*): **I**

**Nơi sử dụng:** Số 23/62 phố Lê Phú, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá  
*Place*

**Người/Đơn vị sử dụng:** Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng G6  
*User:*

**Phương pháp thực hiện:** ĐLVN 16 : 2021  
*Method of verification:*

**Chế độ kiểm định:** Định kỳ  
*Type of verification:*

**Kết luận:** Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường (*satisfactory technical measurement*)  
*Conclusion:*

**Số tem kiểm định:** 26A.03064  
*Verification stamp N<sup>o</sup>:*

**Thời hạn đến (\*):** 14 - 4 - 2027  
*Valid until:*

Thanh Hóa, ngày 14 tháng 4 năm 2026  
*Date of issue*

**KIỂM ĐỊNH VIÊN**  
*Verifier by*



**Lê Hùng Nam**

**GIÁM ĐỐC**  
*Director*



**ThS. Nguyễn Mạnh Hợp**

Địa chỉ: Đường tránh QL1A, phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa  
Điện thoại: 02378.696.636 – Email: trungtamtdc36@gmail.com

**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH**  
**CERTIFICATE OF VERIFICATION**

Số (N<sup>0</sup>): 7a - 33/2026

**Tên đối tượng:** Chân không kế - Bơm hút chân không  
*Object*

**Kiểu:** FY-1C-N  
*Type*

**Số:** N/A  
*Serial N<sup>0</sup>:*

**Sản xuất tại:** Trung Quốc  
*Manufacturer:*

**Năm:**  
*Year*

**Đặc trưng đo lường:** Phạm vi đo (*Measurement range*): (-2 - 0) Pa  
*Specifications:* Độ chính xác (*Accuracy*): 2 %

**Nơi sử dụng:** Số 23/62 phố Lê Phú, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá  
*Place*

**Người/Đơn vị sử dụng:** Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng G6  
*User:*

**Phương pháp thực hiện:** ĐLVN 08 : 2011  
*Method of verification:*

**Chế độ kiểm định:** Định kỳ  
*Type of verification:*

**Kết luận:** Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường (*satisfactory technical measurement*)  
*Conclusion:*

**Số tem kiểm định:** 26A.03066  
*Verification stamp N<sup>0</sup>:*

**Thời hạn đến (\*):** 14 - 4 - 2027  
*Valid until:*

Thanh Hóa, ngày 14 tháng 4 năm 2026  
*Date of issue*

**KIỂM ĐỊNH VIÊN**  
*Verifier by*



Lê Hùng Nam

**GIÁM ĐỐC**



ThS. Nguyễn Mạnh Hợp

(\* ) Với điều kiện tôn trọng nguyên tắc sử dụng và bảo quản  
(*With respectfulness of conditions of use and maintenance*)

**BM 14.03/ĐL-NC**  
Ngày ban hành 01/06/2025

Địa chỉ: Đường tránh QL1A, phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa  
Điện thoại: 02378.696.636 – Email: trungtamtdc36@gmail.com

**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH**  
**CERTIFICATE OF VERIFICATION**

Số (N<sup>0</sup>): 7a - 35/2026

Tên đối tượng: Áp kế - Máy thử độ bền chống thấm bê tông  
Object

Kiểu: HS-4  
Type

Sản xuất tại: Trung Quốc  
Manufacturer:

Đặc trưng đo lường: Phạm vi đo (Measurement range): (0 - 4) MPa  
Specifications: Giá trị độ chia nhỏ nhất (value division): d = 0.005 MPa  
Cấp chính xác (Class): 1.6

Nơi sử dụng: Số 23/62 phố Lê Phụ, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá  
Place

Người/Đơn vị sử dụng: Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng G6  
User:

Phương pháp thực hiện: ĐLVN 08 : 2011  
Method of verification:

Chế độ kiểm định: Định kỳ  
Type of verification:

Kết luận: Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường (satisfactory technical measurement)  
Conclusion:

Số tem kiểm định: 26A.03069  
Verification stamp N<sup>0</sup>:

Thời hạn đến (\*): 14 - 4 - 2027  
Valid until:

Thanh Hóa, ngày 14 tháng 4 năm 2026  
Date of issue

KIỂM ĐỊNH VIÊN  
Verifier by



Lê Hùng Nam

GIÁM ĐỐC



ThS. Nguyễn Mạnh Hợp

Địa chỉ: Đường tránh QL1A, phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa  
Điện thoại: 02378.696.636 – Email: trungtamtdc36@gmail.com

**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH**  
**CERTIFICATE OF VERIFICATION**

Số (N<sup>o</sup>): 7a - 34/2026

Tên đối tượng: Áp kế  
Object

Kiểu: Lò xo  
Type

Sản xuất tại: Trung Quốc  
Manufacturer:

Đặc trưng đo lường: Phạm vi đo (Measurement range): (0 - 60) MPa  
Specifications: Giá trị độ chia nhỏ nhất (value division): 1 MPa  
Cấp chính xác (Class): 1.6

Nơi sử dụng: Số 23/62 phố Lê Phụ, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá  
Place

Người/Đơn vị sử dụng: Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng G6  
User:

Phương pháp thực hiện: ĐLVN 08 : 2011  
Method of verification:

Chế độ kiểm định: Định kỳ  
Type of verification:

Kết luận: Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường (satisfactory technical measurement)  
Conclusion:

Số tem kiểm định: 26A.03067  
Verification stamp N<sup>o</sup>:

Thời hạn đến (\*): 14 - 4 - 2027  
Valid until:

Thanh Hóa, ngày 14 tháng 4 năm 2026  
Date of issue

KIỂM ĐỊNH VIÊN  
Verifier by



Lê Hùng Nam



ThS. Nguyễn Mạnh Hợp

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THANH HÓA  
THANH HOA DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY  
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG VÀ ỨNG DỤNG,  
CHUYÊN GIAO KHOA HỌC CÔNG NGHỆ  
THANH HOA TECHNICAL CENTRE FOR STANDARDS-METROLOGY AND QUALITY  
Địa chỉ: Đường tránh QL1A, phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa  
Điện thoại: 02378.696.636 – Email: trungtamtdc36@gmail.com

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (ĐK36)**  
CALIBRATION CERTIFICATE  
Số (N<sup>0</sup>): 12a – 240/HCL-2026

Tên phương tiện đo: **KÍCH**  
(Object)  
Kiểu: **Thuỷ lực**  
(Type)  
Cơ sở sản xuất: **Trung Quốc**  
(Manufacturer)  
Số/Mã QL: **240516**  
(Serial No/Tag No)  
Năm:  
(Date of manufacturer)  
Đặc trưng kỹ thuật:  
(Technical Specification)  
- Khả năng tạo lực danh nghĩa: **Max = 3 000 kN**  
- Áp kế chỉ thị: **(0 – 60) MPa**  
Cơ sở sử dụng: **Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng G6**  
(Customer) **Số 23/62 phố Lê Phú, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá**  
Phương pháp thực hiện: **ĐLVN 108 : 2002**  
(In accordance used)  
Chuẩn được sử dụng: - Cung lực chuẩn 3 000 kN, U = 0,13%  
(Standards used) - Liên kết chuẩn VMI  
Kết quả: **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**  
(Results) (See the results of the calibration on the next page)  
Tem hiệu chuẩn số: **25B.2731**  
(Calibration Stamp N<sup>o</sup>)  
Ngày hiệu chuẩn đề nghị: **14 – 4 – 2027**  
(Recalibration recommended)

Thanh Hóa, ngày 14 tháng 4 năm 2026

**GIÁM ĐỐC**



**ThS. Nguyễn Mạnh Hợp**

**BM 14.01/ĐL**  
Ngày ban hành: 01/06/2025  
Trang:  
(N<sup>o</sup> of pages) 1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và Ứng dụng, chuyên giao Khoa học Công nghệ Thanh Hóa.  
This certificate may not be reproduced other than in full except with the permission of Thanh Hoa technical Centre for Standards, Metrology, Quality and technology transfer.

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (ĐK36)**  
**CALIBRATION CERTIFICATE**  
Số (N<sup>o</sup>): 12a – 242/HCL-2026

Tên phương tiện đo: **VÒNG ĐO LỰC**  
(Object)

Kiểu: **Cung lực – TS285**  
(Type)

Cơ sở sản xuất: **Trung Quốc**  
(Manufacturer)

Số/Mã QL: **R1873**  
(Serial No/Tag No)

Năm:  
(Date of manufacturer)

Đặc trưng kỹ thuật:  
(Technical Specification) - Phạm vi đo: **(0 – 50) kN**  
- Đồng hồ so: **10 mm/0,01 mm**

Cơ sở sử dụng: **Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng G6**  
(Customer) **Số 23/62 phố Lê Phú, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá**

Phương pháp thực hiện: **ĐLVN 108 : 2002**  
(In accordance used)

Chuẩn được sử dụng: - **Cung lực chuẩn, U = 0,13%**  
(Standards used) - **Liên kết chuẩn VMI**

**Kết quả: Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**  
(Results) (See the results of the calibration on the next page)

Tem hiệu chuẩn số: **25B.2729**  
(Calibration Stamp N<sup>o</sup>)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị: **14 – 4 – 2027**  
(Recalibration recommended)

Thanh Hóa, ngày 14 tháng 4 năm 2026

**GIÁM ĐỐC**



**ThS. Nguyễn Mạnh Hợp**

**BM 14.01/ĐL**

Ngày ban hành: 01/06/2025

Trang: 1/2  
(N<sup>o</sup> of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và Ứng dụng, chuyên giao Khoa học Công nghệ Thanh Hóa.  
This certificate may not be reproduced other than in full except with the permission of Thanh Hoa technical Centre for Standards, Metrology, Quality and technology transfer.

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (ĐK36)**  
**CALIBRATION CERTIFICATE**  
Số (N<sup>o</sup>): 12a – 241/HCN-2026

Tên phương tiện đo: **NHIỆT KẾ**  
(Object)  
Kiểu: **Điện tử** Số/Mã QL: N/A  
(Type) (Serial No/Tag No)  
Cơ sở sản xuất: **Trung Quốc** Năm:  
(Manufacturer) (Date of manufacturer)

Đặc trưng kỹ thuật: - Phạm vi đo: **(-20 – 300) °C**  
(Technical Specification) - Độ chính xác: **1 °C**

Cơ sở sử dụng: **Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng G6**  
(Customer) **Số 23/62 phố Lê Phú, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá**

Phương pháp thực hiện: **ĐLVN 138 : 2004**  
(In accordance used)

Chuẩn được sử dụng: - Nhiệt kế điện trở platin, U = 0,015 °C  
(Standards used) - Lò nhiệt chuẩn;  
- Liên kết chuẩn VMI; Vilas 1462

**Kết quả: Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**  
(Results) (See the results of the calibration on the next page)

Tem hiệu chuẩn số: **25B.2730**  
(Calibration Stamp N<sup>o</sup>)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị: **14 – 4 – 2027**  
(Recalibration recommended)

Thanh Hóa, ngày 14 tháng 4 năm 2026

**GIÁM ĐỐC**



**ThS. Nguyễn Mạnh Hợp**

**BM 14.01/ĐL**

Ngày ban hành: 01/06/2025

Trang: 1/2  
(N<sup>o</sup> of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và Ứng dụng, chuyên giao Khoa học Công nghệ Thanh Hóa.  
This certificate may not be reproduced other than in full except with the permission of Thanh Hoa technical Centre for Standards, Metrology, Quality and technology transfer.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THANH HÓA  
THANH HOA DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY  
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG VÀ ỨNG DỤNG,  
CHUYÊN GIAO KHOA HỌC CÔNG NGHỆ  
THANH HOA TECHNICAL CENTRE FOR STANDARDS-METROLOGY AND QUALITY  
Địa chỉ: Đường tránh QL1A, phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa  
Điện thoại: 02378.696.636 – Email: trungtamtdc36@gmail.com

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (ĐK36)**  
CALIBRATION CERTIFICATE  
Số (N<sup>0</sup>): 12a – 239/HCL-2026

Tên phương tiện đo: **KÍCH**  
(Object)  
Kiểu: **Thuỷ lực**  
(Type)  
Cơ sở sản xuất: **Trung Quốc**  
(Manufacturer)  
Số/Mã QL: **200219**  
(Serial No/Tag No)  
Năm:  
(Date of manufacturer)  
Đặc trưng kỹ thuật:  
(Technical Specification) - Khả năng tạo lực danh nghĩa: **Max = 1 000 kN**  
- Áp kế chỉ thị: **(0 – 60) MPa**  
Cơ sở sử dụng: **Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng G6**  
(Customer) **Số 23/62 phố Lê Phụ, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá**  
Phương pháp thực hiện: **ĐLVN 108 : 2002**  
(In accordance used)  
Chuẩn được sử dụng: - Cung lực chuẩn, U = 0,13%  
(Standards used) - Liên kết chuẩn VMI  
Kết quả: **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**  
(Results) (See the results of the calibration on the next page)  
Tem hiệu chuẩn số: **25B.2732**  
(Calibration Stamp N<sup>o</sup>)  
Ngày hiệu chuẩn đề nghị: **14 – 4 – 2027**  
(Recalibration recommended)

Thanh Hóa, ngày 14 tháng 4 năm 2026

**GIÁM ĐỐC**



**ThS. Nguyễn Mạnh Hợp**

**BM 14.01/ĐL**

Ngày ban hành: 01/06/2025

**Trang:** 1/2  
(N<sup>o</sup> of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và Ứng dụng, chuyên giao Khoa học Công nghệ Thanh Hóa.  
This certificate may not be reproduced other than in full except with the permission of Thanh Hoa technical Centre for Standards, Metrology, Quality and technology transfer.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THANH HÓA  
THANH HOA DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY  
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG VÀ ỨNG DỤNG,  
CHUYÊN GIAO KHOA HỌC CÔNG NGHỆ  
THANH HOA TECHNICAL CENTRE FOR STANDARDS-METROLOGY AND QUALITY  
Địa chỉ: Đường tránh QL1A, phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa  
Điện thoại: 02378.696.636 – Email: trungtamtdc36@gmail.com

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (ĐK36)**

**CALIBRATION CERTIFICATE**

Số (N<sup>o</sup>): 12a – 237/HCN-2026

Tên phương tiện đo:  
(Object)

**TỦ SẤY**

Kiểu: **101-2A**  
(Type)

Cơ sở sản xuất: **Trung Quốc**  
(Manufacturer)

Số/Mã QL: **202111828**  
(Serial No/Tag No)

Năm: **2021**

(Date of manufacturer)

Đặc trưng kỹ thuật:  
(Technical Specification)

- Phạm vi: **(50 – 300) °C**  
- Giá trị độ chia: **1 °C**

Cơ sở sử dụng:  
(Customer)

**Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng G6**  
**Số 23/62 phố Lê Phú, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá**

Phương pháp thực hiện:  
(In accordance used)

**QTHC/N 01:2025**

Chuẩn được sử dụng:  
(Standards used)

- Nhiệt kế điện tử đa kênh, U = 0,2 °C  
Liên kết chuẩn Vilas 1462

**Kết quả: Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**  
(Results) (See the results of the calibration on the next page)

Tem hiệu chuẩn số:  
(Calibration Stamp N<sup>o</sup>)

**25B.2734**

Ngày hiệu chuẩn đề nghị:  
(Recalibration recommended)

**14 – 4 – 2027**

Thanh Hóa, ngày 14 tháng 4 năm 2026

**GIÁM ĐỐC**



**ThS. Nguyễn Mạnh Hợp**

**BM 14.01/ĐL**

Ngày ban hành: 01/06/2025

**Trang:**

1/2

(N<sup>o</sup> of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và Ứng dụng, chuyên giao Khoa học Công nghệ Thanh Hóa.  
This certificate may not be reproduced other than in full except with the permission of Thanh Hoa technical Centre for Standards, Metrology, Quality and technology transfer.

Địa chỉ: Đường tránh QL1A, phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa  
Điện thoại: 02378.696.636 – Email: trungtamtdc36@gmail.com

**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH**  
**CERTIFICATE OF VERIFICATION**

Số (N<sup>o</sup>): 5a - 24/2026

**Tên đối tượng:** Phương tiện đo điện trở tiếp đất  
*Object*

**Kiểu:** 4105A  
*Type*

**Số:** E8408001  
*Serial N<sup>o</sup>:*

**Sản xuất tại:** Kyoritsu - Thái Lan  
*Manufacturer:*

**Năm:**  
*Year*

**Đặc trưng đo lường:** Phạm vi đo (*Measurement range*): (0 - 20)/(0 - 200)/(0 - 2 000) Ω  
*Specifications:* Độ chính xác (*Accuracy*): ± 2% rdg + 0,1/3/3 dgt

**Nơi sử dụng:** Số 23/62 phố Lê Phụ, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá  
*Place*

**Người/Đơn vị sử dụng:** Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng G6  
*User:*

**Phương pháp thực hiện:** ĐLVN 143 : 2019  
*Method of verification:*

**Chế độ kiểm định:** Định kỳ  
*Type of verification:*

**Kết luận:** Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường (*satisfactory technical measurement*)  
*Conclusion:*

**Số tem kiểm định:** 26A.03070  
*Verification stamp N<sup>o</sup>:*

**Thời hạn đến (\*):** 14 - 4 - 2027  
*Valid until:*

Thanh Hóa, ngày 14 tháng 4 năm 2026  
*Date of issue*

**KIỂM ĐỊNH VIÊN**  
*Verifier by*



Lê Hùng Nam

**GIÁM ĐỐC**  
*Director*



Th.S. Nguyễn Mạnh Hợp

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THANH HÓA  
THANH HOA DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY  
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG VÀ ỨNG DỤNG,  
CHUYÊN GIAO KHOA HỌC CÔNG NGHỆ  
THANH HOA CENTER FOR STANDARDS, METROLOGY, QUALITY AND TECHNOLOGY TRANSFER  
Địa chỉ: Đường tránh QL1A, phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa  
Điện thoại: 02378.696.636 – Email: trungtamtdc36@gmail.com

**GIẤY CHỨNG NHẬN  
KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA**  
*Measurement and Testing Certificate*  
Số (N<sup>0</sup>): 12a – 253/KQĐ-2026

**Tên phương tiện đo: BỘ DỤNG CỤ BENTONITE**

(Object)

**Kiểu: NB – 1**

(Type)

**Cơ sở sản xuất: Trung Quốc**

(Manufacturer)

**Số/Mã QL: N/A**

(Serial No/Tag No)

**Năm: N/A**

(Year of manufacturer)

**Đặc trưng kỹ thuật: - Phạm vi đo theo Tiêu chuẩn TCVN 11893:2017**

(Technical Specification)

**Cơ sở sử dụng: Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng G6**

(Customer) Số 23/62 phố Lê Phụ, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá

**Phương pháp thực hiện: QTHC/VLXD 2025**

(In accordance used)

**Chuẩn được sử dụng: - Bộ quả cân, thước cặp, panme**

(Standards used)

**Kết quả: Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**

(Results) (See the results of the calibration on the next page)

**Tem hiệu chuẩn số: 25B.2718**

(Calibration Stamp N<sup>o</sup>)

**Ngày khuyến nghị lần tới: 14 – 4 – 2027**

(Recalibration recommended)

Thanh Hóa, ngày 14 tháng 4 năm 2026

**GIÁM ĐỐC**  
Director  
TRUNG TÂM  
KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN  
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG  
VÀ ỨNG DỤNG  
CHUYÊN GIAO KHCN  
THANH HÓA

**ThS. Nguyễn Mạnh Hợp**

**BM 14.05**

Ngày ban hành: 01/6/2025

**Trang: 1/2**

(N<sup>o</sup> of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và Ứng dụng, Chuyên giao KHCN Thanh Hóa  
This certificate may not be reproduced other than in full except with the permission of Thanh Hoa Center for Standards, Metrology, Quality and Technology Transfer

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (ĐK36)**  
CALIBRATION CERTIFICATE  
Số (N<sup>o</sup>): 12a/247 - HCL/2026

Tên phương tiện đo: **MÁY CẮT PHẪNG**  
(Object)

Kiểu: **ZJ - 2**  
(Type)

Cơ sở sản xuất: **Trung Quốc**  
(Manufacturer)

Số/Mã QL: **E0051**  
(Serial No/Tag No)

Năm:  
(Date of manufacturer)

Đặc trưng kỹ thuật:  
(Technical Specification)

- Phạm vi đo: **(0 – 1 200) N**
- Đồng hồ so: **(0 – 10) mm**
- Giá trị độ chia nhỏ nhất: **0,01 mm**

Cơ sở sử dụng: **Công ty Cổ phần Tư vấn và Kiểm định Xây dựng Thanh Hoá**  
(Customer) **Lô 188 MB 2122, phố Đồng Lê, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá**

Phương pháp thực hiện: **QTHC/ĐD 04 : 2025**  
(In accordance used)

Chuẩn được sử dụng: - Cung lực chuẩn 50 kN, U = 0,13%  
(Standards used) - Liên kết chuẩn VMI

Kết quả: **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**  
(Results) (See the results of the calibration on the next page)

Tem hiệu chuẩn số: **25B.2724**  
(Calibration Stamp N<sup>o</sup>)

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tới: **14 - 4 - 2027**  
(Recalibration due)

Thanh Hóa, ngày 14 tháng 4 năm 2026

**GIÁM ĐỐC**



**ThS. Nguyễn Mạnh Hợp**

**BM 14.01/ĐL**

Ngày ban hành: 01/06/2025

Trang: 1/2  
(N<sup>o</sup> of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và Ứng dụng, chuyên giao Khoa học Công nghệ Thanh Hóa.  
This certificate may not be reproduced other than in full except with the permission of Thanh Hoa technical Centre for Standards, Metrology, Quality and technology transfer.

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (ĐK36)**  
CALIBRATION CERTIFICATE  
Số (N<sup>o</sup>): 12a/246 - HCL/2026

Tên phương tiện đo: **MÁY NÉN TAM LIÊN**  
(Object)

Kiểu: **WG-1C**  
(Type)

Cơ sở sản xuất: **Trung Quốc**  
(Manufacturer)

Số/Mã QL: **0183**  
(Serial No/Tag No)

Năm:  
(Date of manufacturer)

Đặc trưng kỹ thuật:  
(Technical Specification)

- Phạm vi đo: **(0 – 4 800) N**
- Đồng hồ so: **(0 – 10) mm**
- Giá trị độ chia nhỏ nhất: **0,01 mm**

Cơ sở sử dụng: **Công ty Cổ phần Tư vấn và Kiểm định Xây dựng Thanh Hoá**  
(Customer) **Lô 188 MB 2122, phố Đồng Lễ, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá**

Phương pháp thực hiện: **QTHC/ĐD 04 : 2025**  
(In accordance used)

Chuẩn được sử dụng: - **Cung lực chuẩn 50 kN, U = 0,13%**  
(Standards used) - **Liên kết chuẩn VMI**

**Kết quả: Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**  
(Results) (See the results of the calibration on the next page)

Tem hiệu chuẩn số: **25B.2725**  
(Calibration Stamp N<sup>o</sup>)

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tới: **14 – 4 – 2027**  
(Recalibration due)

Thanh Hóa, ngày 14 tháng 4 năm 2026

**GIÁM ĐỐC**



**ThS. Nguyễn Mạnh Hợp**

**BM 14.01/ĐL**

Ngày ban hành: 01/06/2025

Trang: 1/2  
(N<sup>o</sup> of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và Ứng dụng, chuyên gia Khoa học Công Nghệ Thanh Hóa.  
This certificate may not be reproduced other than in full except with the permission of Thanh Hoa technical Centre for Standards, Metrology, Quality and technology transfer.

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (ĐK36)**  
CALIBRATION CERTIFICATE  
Số (N<sup>o</sup>): 12a/244 - HC/2026

Tên phương tiện đo: **ĐỒNG HỒ SO**

(Object)

Kiểu: **Lò xo**

(Type)

Cơ sở sản xuất: **Trung Quốc**

(Manufacturer)

Số/Mã QL: **221542**

(Serial No/Tag No)

Năm:

(Date of manufacturer)

Đặc trưng kỹ thuật: - Phạm vi đo: **(0 - 50) mm**

(Technical Specification) - Giá trị độ chia nhỏ nhất: **0,01 mm**

Cơ sở sử dụng: **Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng G6**  
(Customer) **Số 23/62 phố Lê Phụ, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá**

Phương pháp thực hiện: **QTHC/ĐD 04 : 2025**

(In accordance used)

Chuẩn được sử dụng: - Bộ hiệu chuẩn đồng hồ so,  $U = (0,58 + 0,13.L) \mu m$

(Standards used)

- Bộ căn mẫu chuẩn;

- Liên kết chuẩn Quatest 1; Vilas 1462

**Kết quả: Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**

(Results) (See the results of the calibration on the next page)

Tem hiệu chuẩn số: **25B.2727**

(Calibration Stamp N<sup>o</sup>)

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tới: **14 - 4 - 2027**

(Recalibration due)

Thanh Hóa, ngày 14 tháng 4 năm 2026

**GIÁM ĐỐC**



**ThS. Nguyễn Mạnh Hợp**

**BM 14.01/ĐL**

Ngày ban hành: 01/06/2025

Trang: 1/2  
(N<sup>o</sup> of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và Ứng dụng, chuyên giao Khoa học Công nghệ Thanh Hóa.  
This certificate may not be reproduced other than in full except with the permission of Thanh Hoa technical Centre for Standards, Metrology, Quality and technology transfer.

**MÁY CẮT ĐẤT 2 TỐC ĐỘ - TQ**



**PHỄU XÁC ĐỊNH KHỐI LƯỢNG THỂ TÍCH XỐP VÀ BỤI BÙN SÉT CỦA CỐT LIỆU**



**MÁY NÉN ĐẤT TAM LIÊN - TQ**



**TỦ BẢO HỘ MẪU, PHỄU XÁC ĐỊNH KHỐI LƯỢNG THỂ TÍCH XỐP CỦA CỐT LIỆU LỚN**



MÁY TRỘN VỮA XI MĂNG VÀ PHỄU, CÔN ĐỘ ĐỘ SỤT



MÁY NÉN MẪU



**MÁY NÉN MẪU BÊ TÔNG HÌNH TRỤ**



**KHÍCH THỦY LỰC, BỘ SÀNG CỐT LIỆU**



MÁY NÉN BÊ TÔNG



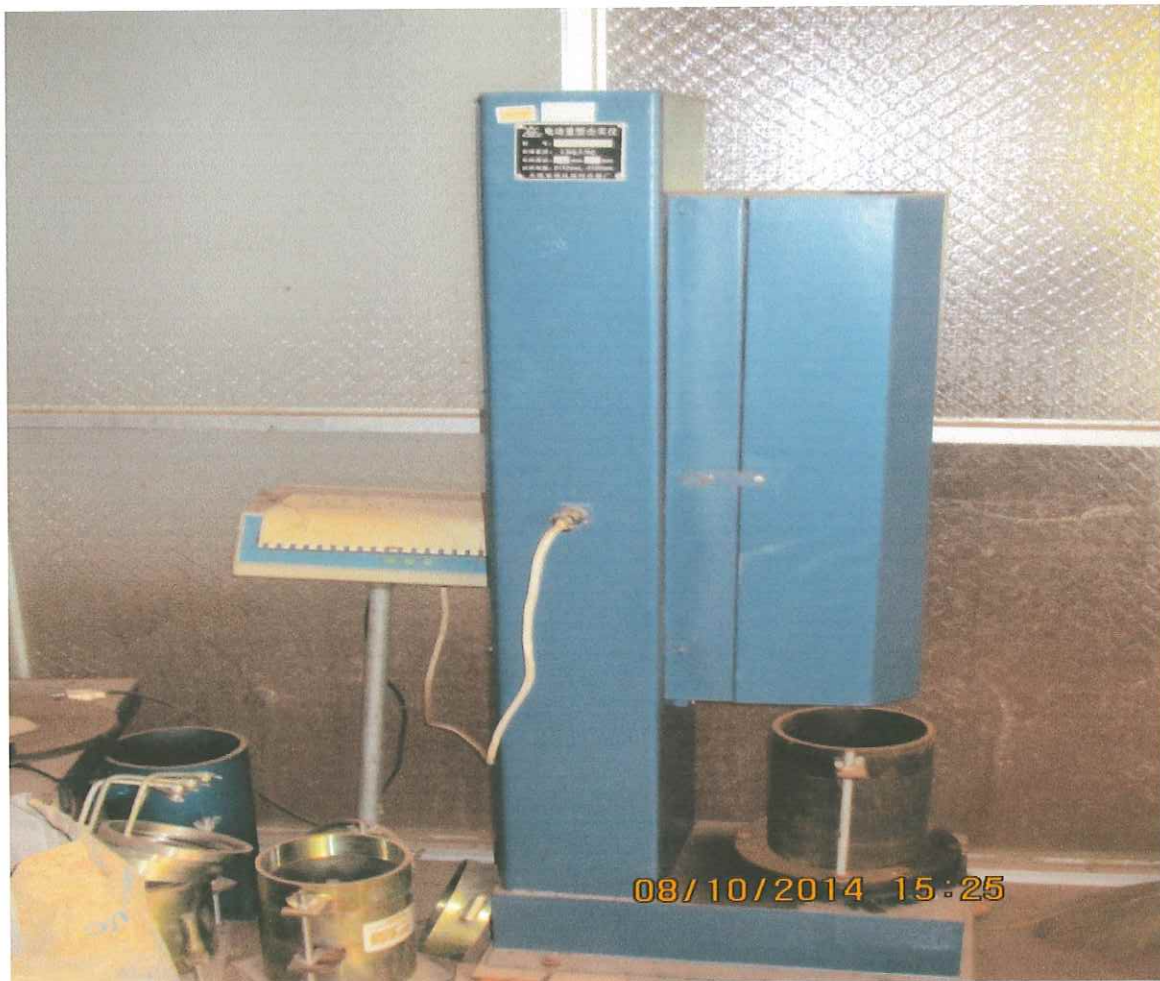
TỦ SẤY



MÁY KÉO THÉP



MÁY KIỂM TRA THẨM BÊ TÔNG

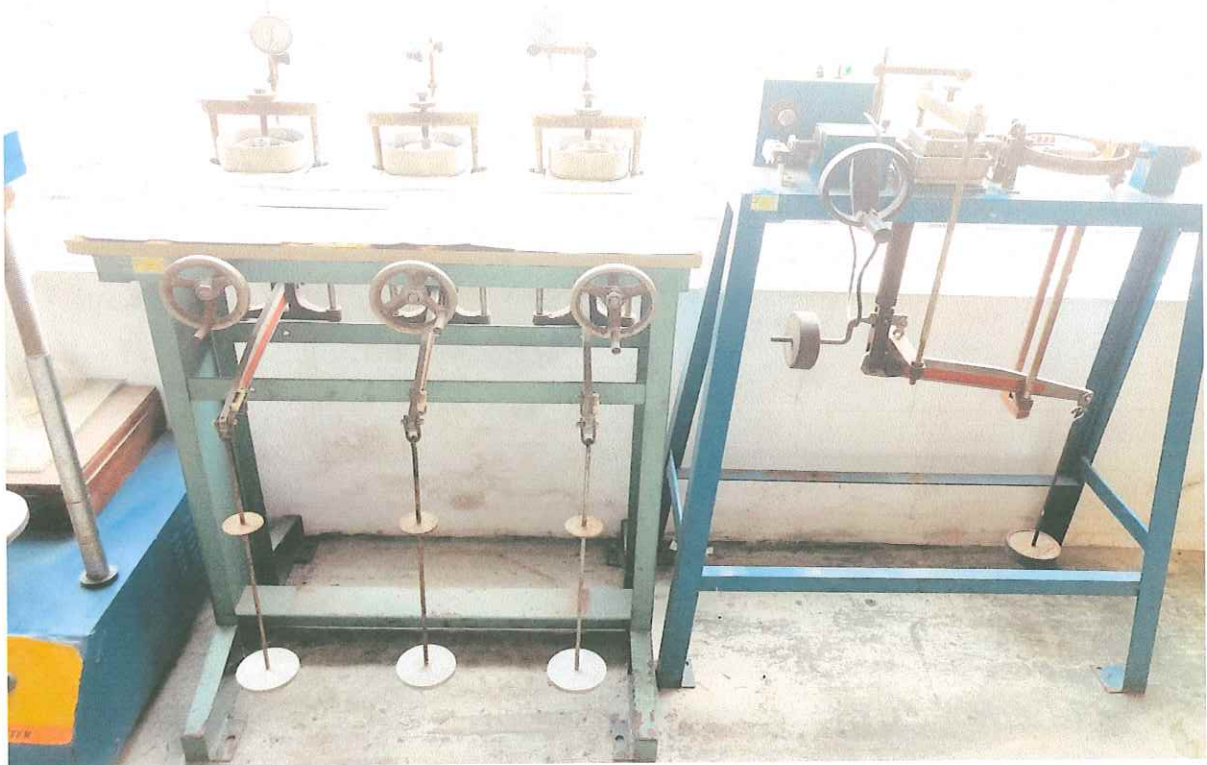




**TỦ HẤP NHIỆT ĐỘ**



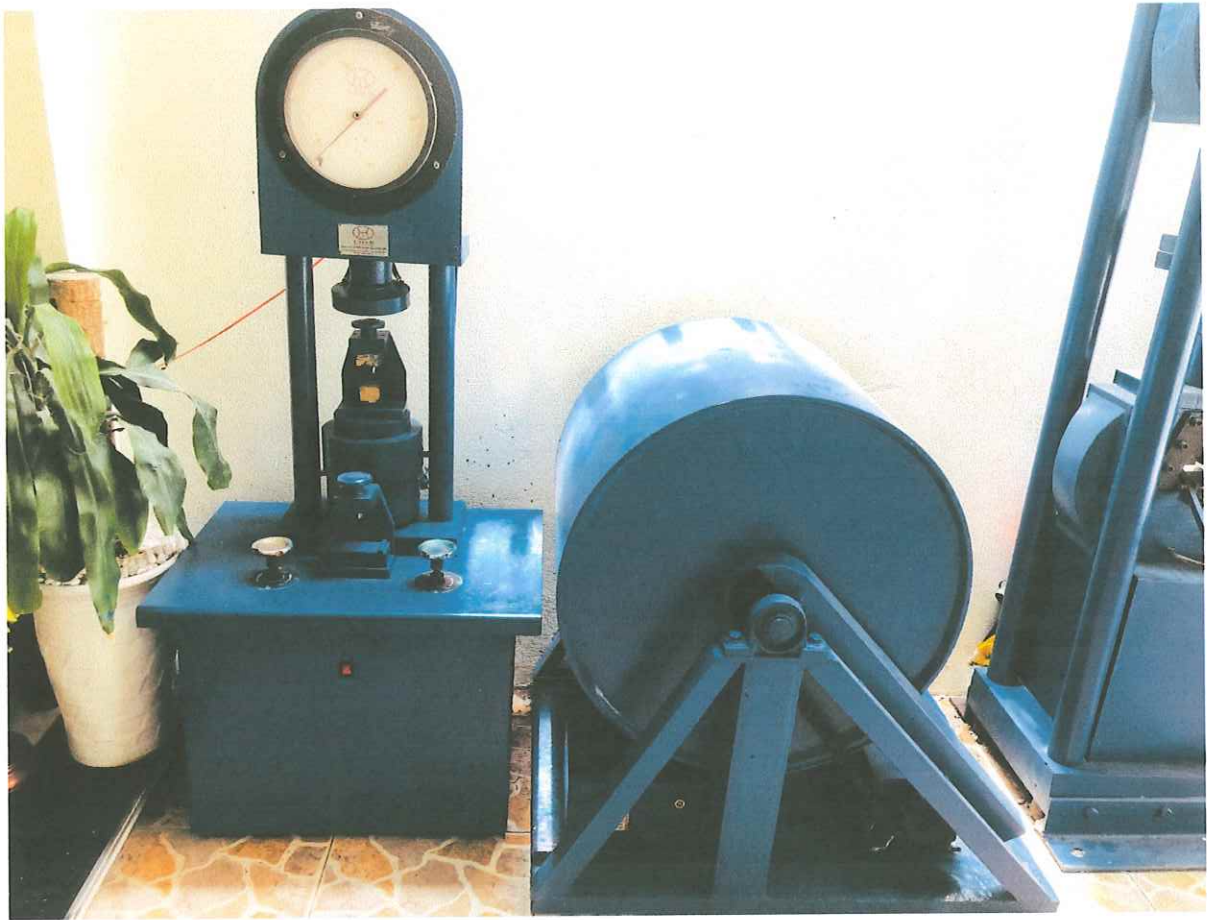
**MÁY CBR VÀ MÁY CHIẾT NHỰA, THÙNG HẤP MẪU**



**MÁY CẮT PHẪNG VÀ NÉN ĐẤT TAM LIÊN**



MÁY KÉO NÉN THÉP VÀ BÊ TÔNG ĐÀ NẰNG



**MÁY NÉN VỮA VÀ MÁY KIỂM TRA ĐỘ MÀI MÒN LOS ANGELES**

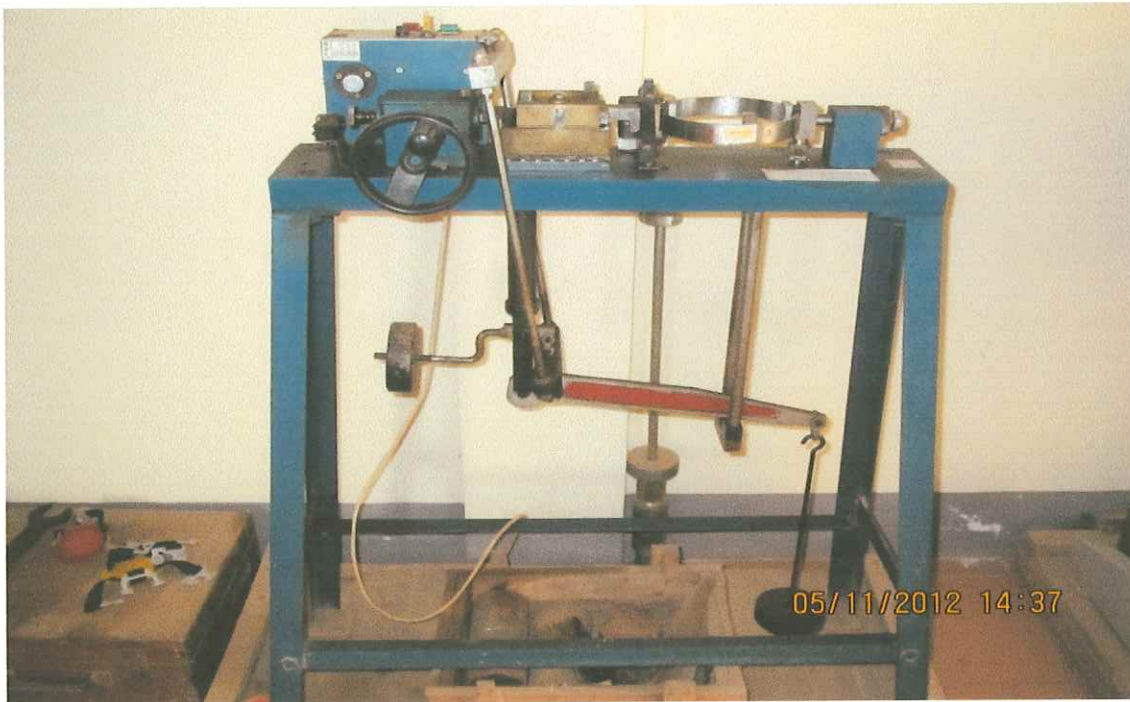


**BỘ SÀNG CỐT LIỆU BÊ TÔNG NHỰA**



**BỘ SÀNG CỐT LIỆU CÁT, ĐÁ**

## THIẾT BỊ PHỤC VỤ THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM TRA



MÁY CẮT ĐẤT 2 TỐC ĐỘ - TQ



MÁY NÉN ĐẤT TAM LIÊN - TQ

TỦ SẤY MẪU



BÀN DẪN VỮA



MÁY ĐẦM MẪU



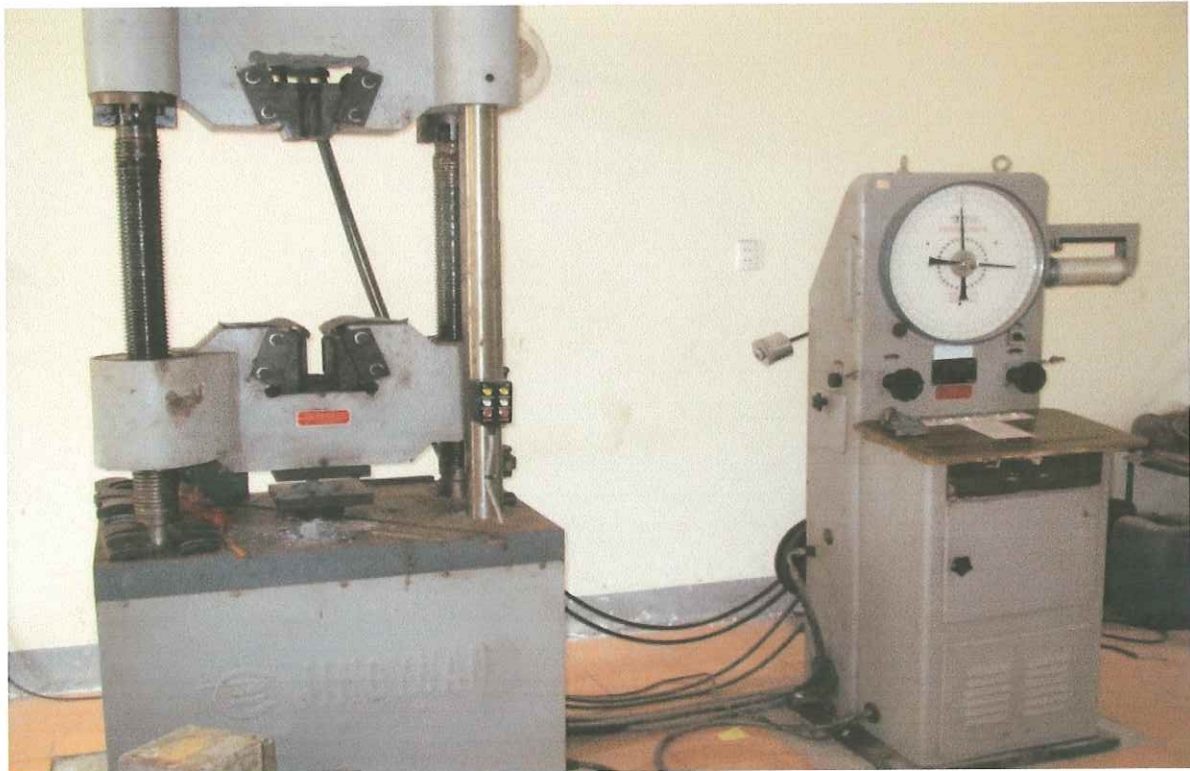


MÁY TRỘN VỮA XI MĂNG





**MÁY KIỂM TRA ĐỘ THẨM CỦA MẪU**



**MÁY KÉO THÉP**



**MÁY KIỂM TRA ĐỘ MÀI MÒN CỦA CỐT LIỆU LOS ANGELES -T. TECH**



**MÁY NÉN XI MĂNG MATEST C109**

CÁC BẢNG CẤP, CHỨNG CHỈ THÍ NGHIỆM CỦA CÁN BỘ,  
NHÂN VIÊN PHÒNG THÍ NGHIỆM



# PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU XÂY DỰNG

## DANH SÁCH CÁN BỘ CHỦ CHỐT TRONG CÔNG TY

### I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.

TT	Họ tên	Chức danh	Thời gian công tác (năm)	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo
1	Vũ Diệu Thúy	Giám đốc	12	Cao đẳng	Kế toán
2	Lê Tiến Độ	Phó giám đốc	12	Kỹ sư	Xây dựng
3	Trịnh Thị Thùy	Ủy viên	10	Cử nhân	Kế toán

### II. BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH.

TT	Họ tên	Chức danh	Thời gian công tác (năm)	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo
1	Vũ Diệu Thúy	Giám đốc	12	Cao đẳng	Kế toán
2	Lê Tiến Độ	Phó giám đốc	12	Kỹ sư	Xây dựng

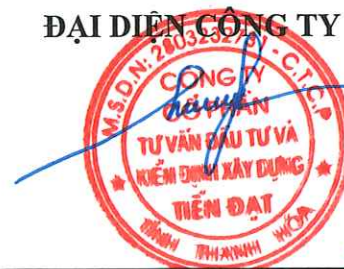
### III. PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

1	Trần Thị Thanh	Kế toán	Cử nhân	Kế toán
---	----------------	---------	---------	---------

### IV. PHÒNG THÍ NGHIỆM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG

1	Lê Tiến Độ	Trưởng phòng	12	Kỹ sư	Xây dựng
2	Đặng Hồng Nhung	Phó phòng	05	Trung cấp	Thủy lợi
3	Vũ Văn Nam	Thí nghiệm viên	08	Trung cấp	Thí nghiệm và KTCLCTXD
4	Lê Văn Chiến	Thí nghiệm viên	08	Trung cấp	Thí nghiệm viên
5	Đồng Phạm Chính	Thí nghiệm viên	05	Trung cấp Bằng Nghề	Thí nghiệm viên
6	La Đức Long	Thí nghiệm viên	05	Bằng Nghề	Thí nghiệm viên
7	Nguyễn Viết Hòa	Thí nghiệm viên	05	Bằng Nghề	Thí nghiệm viên
8	Dương Văn Hải	Thí nghiệm viên	02	Bằng Nghề	Thí nghiệm viên
9	Nguyễn Tiến Dũng	Thí nghiệm viên	02	Bằng Nghề	Thí nghiệm viên

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



GIÁM ĐỐC

Vũ Diệu Thúy

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

THE RECTOR OF

HIỆU TRƯỞNG

NATIONAL UNIVERSITY OF CIVIL ENGINEERING

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG

has conferred

cấp

THE DEGREE OF ENGINEER

BẰNG KỸ SƯ

Civil Engineering

Kỹ thuật công trình xây dựng

Upon: *Ms.* LE TIEN DO

Cho: *Ông* LÊ TIẾN ĐỘ

Date of birth: 12 September 1988

Ngày sinh: 12/ 9 /1988

Year of graduation: 2014

Năm tốt nghiệp: 2014

Degree classification: Ordinary

Trung bình

Mode of study: Part - time

Vừa làm vừa học

Hanoi, 29 August 2014

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2014

UBND PHƯỜNG ĐÔNG SƠN - TP. THÀNH HÒA  
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN GỐC

Ngày: 12-09-2024

Số chứng thực: 338. Quyển số: 01.....SCT/BS



PHÓ CHỦ TỊCH

Số hiệu: 238952

*Lê Huy Lâm*

Reg. No: 982/QĐ-DTXX 29-8-2014  
Số vào sổ cấp bằng: 982/QĐ-DTXX 29-8-2014

TS. Lê Văn Thành

BỘ XÂY DỰNG  
HỌC VIỆN CÁN BỘ QUẢN LÝ  
XÂY DỰNG VÀ ĐÔ THỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## CHỨNG NHẬN



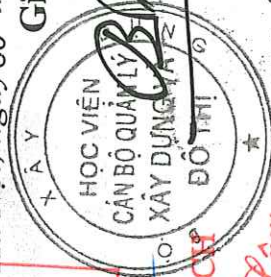
Ông (bà): **Lê Tiến Độ**  
Sinh ngày: 12-09-1988  
Nơi sinh: Thanh Hóa  
Đã học xong chương trình: Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý phòng thí nghiệm chuyên ngành Xây dựng  
Hệ: Tập trung

Từ ngày: 26-11-2012 đến ngày: 30-11-2012  
UBND PHƯỜNG ĐÔNG SƠN - TP. THANH HÓA  
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày 12-09-2024

Số chứng thực: 1536. Quyền số: 01.....SCTIBS

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2012  
Giám đốc



PHÓ CHỦ TỊCH

*Lê Huy Lâm*

Vào sổ ĐK số: 0055-2012

Ths. Bùi Đức Hưng

HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VỀ  
TIÊU CHUẨN VÀ CHẤT LƯỢNG VIỆT NAM

VIỆN CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG VIỆT NAM



## GIẤY CHỨNG NHẬN

**Ông: Lê Tiến Độ**

**Sinh ngày: 12/09/1988**

**Công ty Cổ phần Tư vấn - Đầu tư và Xây dựng - G6**

Đã tham dự và hoàn thành khóa đào tạo

**Nhận thức chung về hệ thống quản lý Phòng thí nghiệm  
theo yêu cầu tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC 17025:2017**

UBND PHƯỜNG ĐÔNG SƠN - TP. THANH HÓA  
CHỨNG THỰC BẢN SỬA DỮ LIỆU TÀI CHÍNH

Ngày 22 tháng 8 năm 2023 tại Hà Nội

Ngày: 12-09-2021 Số: 0235/2023/ĐT/VACI

Số chứng thực: 1534. Quyền số: 01...SCT/BS



**PHÓ CHỦ TỊCH**  
*Lê Huy Lâm*



**TS. Hoàng Hữu Thám**

VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING  
SCIENCE AND TECHNOLOGY



It is hereby certified that:

**Mr. Le Tien Do**

Has successfully passed the Training Course on

**Testing Methods for Determining  
the Physico-Mechanical Properties of  
Concrete and Building Materials**

In November 2007

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
*Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*

VIỆN TRƯỞNG  
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Chứng nhận: Ông **Lê Tiến Độ**  
Ngày sinh: **12/9/1988** - Quê quán: **Thanh Hóa**  
Cơ quan: Công ty CP TV XD CT Đồng Tâm  
Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:  
**Phương pháp xác định các tính chất cơ lý  
Bê tông và Vật liệu Xây dựng**

Thời gian tổ chức: Tháng 11 năm 2007

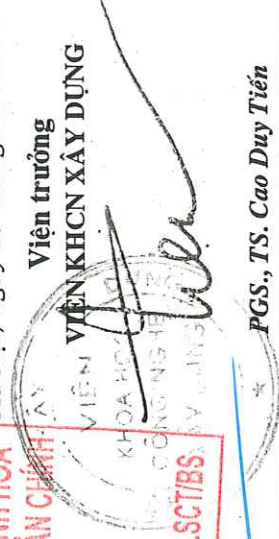
Tại: Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng  
Hà Nội, ngày 27 tháng 11 năm 2007

Viện trưởng  
VIỆN KHCN XÂY DỰNG

THÀNH HÓA  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÓN - IP  
QUANG THỊNH ĐÀO SẠO ĐÚNG VỚI BẢN CHẤT LẠY

Ngày: 12-09-2024

Số chứng thực: 530...  
Số: 01.....SCTBS



Ref. N°. 2632/2007/VKH - TNXD

PGS., TS. Cao Duy Tiến

PHÓ CHỦ TỊCH

*Lê Huy Lâm*

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

RECTOR

UNIVERSITY OF TRANSPORT TECHNOLOGY

confers

INTERMEDIATE PROFESSIONAL  
EDUCATION DIPLOMA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI

cấp

BẰNG TỐT NGHIỆP  
TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP

Upon: (Mr, Ms) **Mr. VU VAN NAM**

Born on: **20 July 1992**

Major in: **Testing and Construction Quality Control**

Ranking: **Average good**

Mode of study: **Full-time**

Cho: **VŨ VĂN NAM**

Giới tính: **Nam**

Ngày, tháng, năm sinh: **20/07/1992**

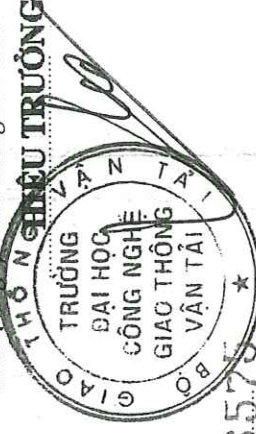
Ngành đào tạo: **Thí nghiệm và kiểm tra chất lượng CTXD**

Xếp loại tốt nghiệp: **Trung bình khá**

Hình thức đào tạo: **Chính quy**

USIND PHƯƠNG BÌNH AN - TP. HỒ CHÍ MINH  
CHỨNG THỰC BẢN SẠO ĐÚNG VỚI BÀI CHẤM  
Ngày: **04-07-2023**  
Số chứng thực: **4008** Quyển số: **01** SCTIBS

Hà Nội ngày **10** tháng **08** năm **2013**



Serial number: **A736575**

Reference number: **15163**

Số hiệu: **A736575**

Số vào sổ cấp bằng: **15163**

**TS. Đỗ Ngọc Viện**

**PHÓ CHỦ TỊCH**  
**LÊ HUY LÂM**

VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING  
SCIENCE AND TECHNOLOGY



It is hereby certified that:

**Mr. Le Van Chien**

Has successfully passed the Training Course on

**Testing Methods for Determining  
the Physico - Mechanical Properties of  
Metallic Materials and Welding Joints**

In July 2010

Ref. No. 2385/2016/VKH -TNXD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG  
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Chúng nhận: Ông **Lê Văn Chiến**

Ngày sinh: **17/6/1984** - Quê quán: **Thanh Hoá**

Cơ quan: Công ty CP Xây dựng 1 Thanh Hoá

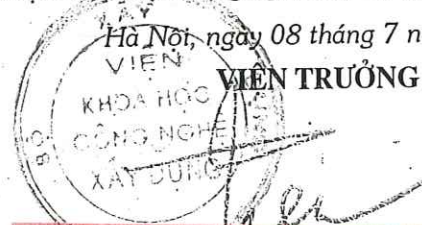
Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:

**Phương pháp thử các tính chất cơ-lý của  
vật liệu Kim loại và Liên kết hàn**

Thời gian: Từ ngày 22/6/2010 đến 28/6/2010

Tại: Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2010



UBND PHƯỜNG S. T. S. C. Đ. T. / TIỀN  
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 11 -08- 2023

Số chứng thực: 6230 Quyền số: 09.....SCT/BS



**CHỦ TỊCH**  
*Lê Hồng Quang*

VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING  
SCIENCE AND TECHNOLOGY



It is hereby certified that:

**Mr. Le Van Chien**

Has successfully passed the Training Course on  
**Field and Laboratory Testing Methods for  
Determining the Physico-Mechanical  
Properties of Soils**

Ref. N<sup>o</sup>: 7661 /2010/VKH -TNXD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG  
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Chứng nhận: Ông **Lê Văn Chiến**

Ngày sinh: **17/6/1984** - Quê quán: **Thanh Hoá**

Cơ quan: Công ty Xây dựng 1 Thanh Hoá

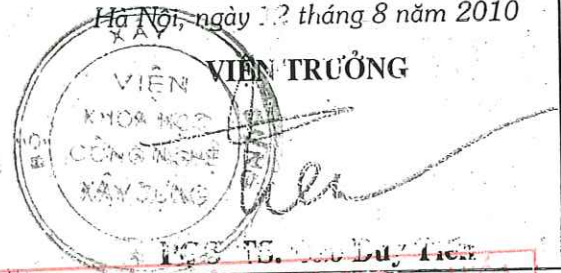
Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:

**Phương pháp xác định các tính chất cơ-lý của  
đất trong phòng và hiện trường**

Thời gian: Từ ngày 12/7/2010 đến 01/8/2010.

Tại: Viện Khoa học công nghệ Xây dựng

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2010



ỦY BAN PHƯƠNG ĐÔNG SƠN - TP. THANH HOÁ  
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 11-08-2023

Số chứng thực 62.31. Quyển số: 09...SCT/PS



**CHỦ TỊCH**  
**Lê Hồng Quang**

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI  
INSTITUTE OF RESEARCH AND APPLICATION FOR  
TROPICAL BUILDING MATERIALS (ITBM)



It is hereby certified that:

Mr/Mrs: LE VAN CHIEN

Has successfully passed Training Course on

Site test checks the integrity and bearing capacity of the pile

In December 2020

Ref. N<sup>o</sup>. 14584-14592B/VND-TNV

UBND PHƯỜNG ĐÔNG SƠN  
CHỨNG THỰC DAN SẠC DÙNG  
Ngày: 24-10-2024

Số chứng thực: AD.8. Quyển số: SCT/ND



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI

CHỨNG NHẬN

Ông/Bà: **LÊ VĂN CHIẾN**

Ngày sinh: 17 - 06 - 1984

Thường trú: Thanh Hóa

Đã hoàn thành chương trình đào tạo về:

Thí nghiệm hiện trường kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của cọc

Do Viện nghiên cứu và ứng dụng Vật liệu Xây dựng Nhiệt Đới

Trường Đại học Xây dựng tổ chức.

Thời gian đào tạo: Tháng 12 năm 2020

Kết quả học tập: Đạt loại khá

Hết thời hạn ngày 25 tháng 12 năm 2020



Số chứng thực: AD.8. Quyển số: SCT/ND

PGS.TSKH. *Bach Dinh Chien*

PHÓ CHỦ TỊCH

*Le Huy Lam*

VIETNAM FEDERATION OF CIVIL ENGINEERING  
ASSOCIATIONS  
SCIENCE TECHNOLOGY INSTITUTE FOR  
INVESTMENT AND CONSTRUCTION



Chữ ký của người được cấp

Số liên chứng chỉ  
070607VHCN

Số vào sổ: 070601  
Ngày 12 tháng 05 năm 2015

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN GỐC  
Số... Quyển số: 05...  
09-2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP  
VIỆN TRƯỞNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VỀ ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG

TỔNG HỘI XÂY DỰNG VIỆT NAM

CHỨNG NHẬN

Ông: LA ĐÙ C LONG

Ngày sinh: 13 - 06 - 1993

Quê quán: Phường Thành - Quận Sơn - Thành Hóa

Đã tốt nghiệp khoa học về:

Phương pháp chế biến các chất cơ lý của Gạch  
xây - Chế biến Xi măng - Vữa - Bê tông

Do Viện Khoa Học Công nghệ về Đầu Tư và Xây Dựng -

Tổng Hội Xây dựng Việt Nam tổ chức.

Thời gian đào tạo: Tháng 05 năm 2015

Kết quả học tập: Đạt loại Khá

Hà Nội ngày 02 tháng 05 năm 2015

KHOA HỌC VIỆN TRƯỞNG

CÔNG NGHỆ VỀ

ĐẦU TƯ VÀ

XÂY DỰNG

VIỆN TRƯỞNG

TS TKH. Phạm Văn Lực

PHÓ CHỦ TỊCH  
Nguyễn Văn Thái

VIETNAM FEDERATION OF CIVIL ENGINEERING  
ASSOCIATIONS  
SCIENCE TECHNOLOGY INSTITUTE FOR  
INVESTMENT AND CONSTRUCTION



Chữ ký của người: *Nguyễn Văn Thái*

Số hiệu chứng chỉ  
102302/VKTCN

Số vào sổ: 102302  
Ngày 22 tháng 05 năm 2015

Số CT: 355A - Quyền số: 03.....SCT/B5



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHUNG CHỦ TỐT NGHIỆP

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VỀ ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG

TỔNG HỘI XÂY DỰNG VIỆT NAM

CHỨNG NHẬN

Ông: LA DỨC LONG

Ngày sinh: 13 - 06 - 1993

Quê quán: Đông Thanh - Đông Sơn - Thanh Hóa  
Đã tốt nghiệp khoá đào tạo về:

Thí nghiệm hiện trường, kiểm tra tính chất cơ lý của

Đất, Đá và độ chặt hiện trường

Do Viện Khoa Học Công nghệ về Đầu Tư và Xây Dựng -

Tổng Hội Xây dựng Việt Nam tổ chức.

Thời gian đào tạo: Tháng 05 năm 2015

Kết quả học tập: Đạt loại Khá

Hà Nội, ngày 22 tháng 05 năm 2015

VIỆN TRƯỞNG



VIỆN TRƯỞNG

GS.TSKH. *Nguyễn Văn Thái*

PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Thái

**BẢN SAO**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP  
VIỆN TRƯỞNG**

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VỀ ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG  
TỔNG HỘI XÂY DỰNG VIỆT NAM

**CHỨNG NHẬN**

Ông : **ĐÔNG PHẠM CHÍNH**

Ngày sinh : 12 - 06 - 1984

Quê quán : Thanh Hóa

Đã tốt nghiệp khóa đào tạo về:

Thử nghiệm tính chất cơ lý của Bê tông và Vật liệu chế tạo  
Bê tông

Do Viện Khoa Học Công Nghệ về Đầu Tư và Xây Dựng  
Tổng Hội Xây Dựng Việt Nam tổ chức.

Thời gian đào tạo: Từ 01/10/2018 đến 08/10/2018

Kết quả học tập: Khá

Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2018



**PHÓ VIỆN TRƯỞNG**

*GS.TSKH. Phùng Văn Lưu*

**CHỨNG THỰC  
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

26 - 11 - 2022

Ngày:

Số: *537M* / *03* / *SCT/BS*



**CÔNG CHỨNG VIỆN**  
*Đang Quynh Thanh*

SCIENCE TECHNOLOGY INSTITUTE FOR INVESTMENT AND CONSTRUCTION  
VIETNAM FEDERATION OF CIVIL ENGINEERING ASSOCIATIONS



Chữ ký của người được cấp

Số hiệu chứng chỉ: 20180813/VKHCN

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI  
INSTITUTE OF RESEARCH AND APPLICATION FOR  
TROPICAL BUILDING MATERIALS (ITBM)



It is hereby certified that:  
Mr/Mrs: DONG PHAM CHINH  
Has successfully passed Training Course on  
Experts specialized in transport  
In December 2020

Ref. N<sup>o</sup>: 0015030-415032B/VND-TNV

**CHỨNG THỰC**  
**BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**  
Ngày: 26-11-2022

Số: 5357



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN SAO**

**CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP**

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI

**CHỨNG NHẬN**

Ông/Bà: **ĐÔNG PHẠM CHÍNH**

Ngày sinh: 12 - 06 - 1984

Thường trú: Thanh Hóa

Đã hoàn thành chương trình đào tạo về:

Thí nghiệm viên chuyên ngành giao thông

Do Viện nghiên cứu và ứng dụng Vật liệu Xây dựng Nhiệt Đới

Trường Đại học Xây Dựng tổ chức.

Thời gian đào tạo: Tháng 12 năm 2020

Kết quả học tập: Đạt loại **Khá**



VIỆN TRƯỞNG

PGS.TSKH. *Bach Dinh Chien*

**CÔNG CHỨNG VIÊN**  
*Dang Luân Thành*

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VỀ ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG  
SCIENCE - TECHNOLOGY INSTITUTE FOR  
INVESTMENT AND CONSTRUCTION



Ref. N°: 2024/BTI-065/VKHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG  
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VỀ ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG

CHỨNG NHẬN

Ông : **DƯƠNG VĂN HẢI**  
Ngày sinh : 02/01/1992  
Quê quán : Thanh Hóa  
Đã hoàn thành chương trình đào tạo thi nghiệm về:

**Thi nghiệm Vữa, Bê tông xi măng và Vật liệu chế tạo**

Do Viện Khoa học Công nghệ về Đầu tư và Xây dựng tổ chức  
Thời gian đào tạo: Từ 23/03/2024 đến 30/03/2024  
Kết quả học tập: Đạt loại **Giỏi**

Hà Nội, Ngày 03 tháng 04 năm 2024

VIỆN TRƯỞNG

*Đ. Thanh*

Ngày: 12-09-2024

Số chứng chỉ: 138/Quyển số: 04.....SCT/BS

VIỆN TRƯỞNG

*T.S. Phụng Vũ Việt Anh*

PHÓ CHỦ TỊCH

*Lê Huy Lâm*

VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING  
SCIENCE AND TECHNOLOGY



It is hereby certified that:

**Mr. Nguyen Tien Dung**

Has successfully passed the Training Course on

**Field and Laboratory Testing Methods for**

**Determining the Physico-Mechanical**

**Properties of Soils**

In April 2008

Ref. N<sup>o</sup>. 3142/2008/VKII - TNXD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
*Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*

VIỆN TRƯỞNG  
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Chứng nhận: Ông **Nguyễn Tiến Dũng**  
Ngày sinh: **16/7/1979** - Quê quán: **Thanh Hóa**

Cơ quan: Công ty CP Tư vấn TK XD Thành Hóa  
Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:  
**Phương pháp xác định các tính chất cơ-lý**  
**của đất trong phòng và hiện trường**

Thời gian tổ chức: Tháng 3+4 năm 2008

Tại: Viện KHCN Xây dựng

Hà Nội, ngày 0 4 tháng 4 năm 2008

Viện trưởng  
VIỆN KHCN XÂY DỰNG



PGS. TS. Cao Duy Tiến

HANOI INSTITUTE OF CADRE TRAINING AND IMPROVEMENT  
VIỆN NGHIÊN CỨU ĐÀO TẠO VÀ BỒI DƯỠNG CÁN BỘ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## CHỨNG CHỈ



### BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ QUẢN LÝ PHÒNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Cấp cho Ông/ Bà: **ĐẶNG HỒNG NHUNG**

Sinh ngày: **20 - 05 - 1987**

Quê quán: **THANH HÓA**

Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ về:  
**Quản lý Phòng Thí nghiệm chuyên ngành Xây dựng**

(Chữ ký của người được cấp)

Thời gian tổ chức: **Tháng 08 năm 2011**

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Số chứng thực: **19/20**.....quyển số.....

Ngày: **19 - 06 - 2026**

Người thực hiện chứng thực  
kỳ, ghi rõ họ tên và đóng dấu

Số: **QĐ 03 - 80/2011/BDNV**

Ngày: **09 tháng 09 năm 2011**

**VIỆN TRƯỞNG**



**Đang Tùng Bách**



**CÔNG CHỨNG VIỆN**

*Đang Tùng Bách*

HANOI INSTITUTE OF CADRE TRAINING AND IMPROVEMENT  
VIỆN NGHIÊN CỨU ĐÀO TẠO VÀ BỒI DƯỠNG CÁN BỘ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## CHỨNG CHỈ

### BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ THÍ NGHIỆM VIÊN CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Cấp cho Ông/Bà: **ĐẶNG HỒNG NHUNG**

Sinh ngày: **20 - 05 - 1987**

Quê quán: **THANH HÓA**

Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:  
*Phương pháp xác định các tính chất cơ - lý của đất  
trong phòng và hiện trường.*



Thời gian tổ chức: **Tháng 07 năm 2011.**

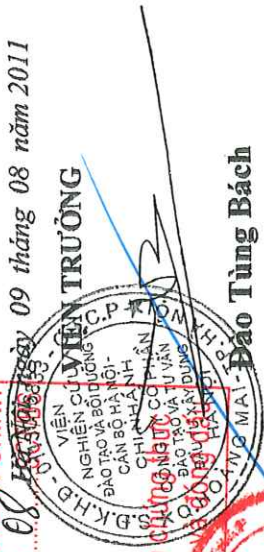
**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Số chứng thực: **19/19**.....quyển số: **08** **Hà Nội** ngày **09** tháng **08** năm **2011**

(Chữ ký của người được cấp)

Ngày: **19 - 06 - 2026**

Người thực hiện chứng thực:  
kỳ, ghi rõ họ tên và đóng dấu



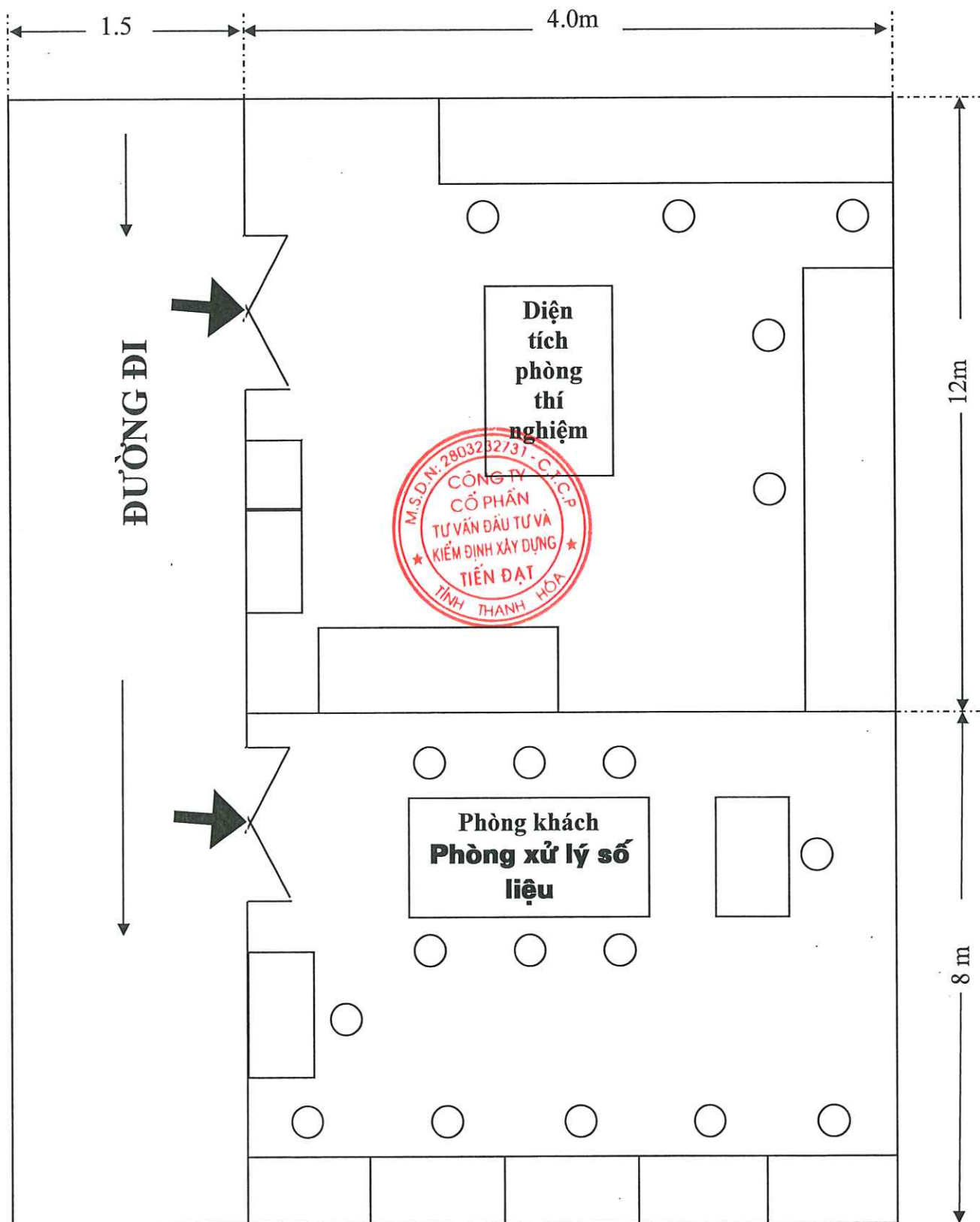
Số: **QĐ 02 - 51/2011/TNV**



CÔNG CHỨNG VIÊN

*Trịnh Thị Hồng Minh*

**SƠ ĐỒ MẶT BẰNG (TẦNG 1) PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU XD  
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY  
DỰNG TIẾN ĐẠT**



**SƠ ĐỒ MẶT BẰNG (TẦNG 2) PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU XD  
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY  
DỰNG TIẾN ĐẠT**

